PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bắc Giang

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BẮC GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 271 + 272)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hòa Ngoài	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 20' 18"	106° 40' 02"					F-48-70-A-d
thôn Hòa Trong	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 18' 57"	106° 39' 14"					F-48-70-A-d
suối Hòa Trong	TV	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn			21° 16' 58"	106° 40' 01"	21° 20' 57"	106° 39' 04"	F-48-70-A-d
thôn Khả Lã 1	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 21' 54"	106° 41' 59"					F-48-70-A-c
suối Khuân Vố	TV	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn			21° 19' 31"	106° 38' 22"	21° 20' 30"	106° 39' 34"	F-48-70-A-d
rừng Khuôn Hòa	KX	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 17' 10"	106° 39' 38"					F-48-70-A-d
thôn Khuôn Vố	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 19' 38"	106° 38' 56"					F-48-70-A-d
sông Lục Ngạn	TV	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn			21° 21' 33"	106° 35' 57"	21° 19' 52"	106° 41' 22"	F-48-70-A-d
thôn Luồng	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 19' 49"	106° 40' 10"					F-48-70-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Quả	SV	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 20' 34"	106° 38' 00"					F-48-70-A-d
thôn Tân Hồng	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 21' 24"	106° 38' 33"					F-48-70-A-d
núi Thiểm	SV	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 19' 22"	106° 39' 59"					F-48-70-A-d
rừng Thôn Luồng	KX	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 17' 38"	106° 39' 54"					F-48-70-A-d
thôn Trại Thập	DC	xã Tân Lập	H. Lục Ngạn	21° 21' 40"	106° 38' 29"					F-48-70-A-d
hồ Đập Ýa	TV	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 18' 52"	106° 33' 21"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Bóng	DC	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 17' 31"	106° 33' 16"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Còng	DC	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 17' 18"	106° 34' 43"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Ía	DC	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 18' 59"	106° 32' 51"					F-48-70-A-c
thôn Đồng Quýt	DC	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 18' 23"	106° 34' 06"					F-48-70-A-c
thôn Hoa Quảng	DC	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 18' 23"	106° 35' 18"					F-48-70-A-c
núi Khuôn Hòa	SV	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 16' 46"	106° 38' 35"					F-48-70-A-d
núi Rừng Biềng	SV	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 19' 16"	106° 33' 34"					F-48-70-A-c
thôn Tân Giáo	DC	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 16' 21"	106° 36' 56"					F-48-70-A-c
thôn Tân Mộc	DC	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 16' 40"	106° 36' 18"					F-48-70-A-c
thôn Tân Thành	DC	xã Tân Mộc	H. Lục Ngạn	21° 17' 50"	106° 35' 42"					F-48-70-A-c
thôn Áp	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 22' 56"	106° 39' 52"					F-48-70-A-b
thôn Bóm	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 22' 20"	106° 39' 52"					F-48-70-A-d
suối Bóm	TV	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn			21° 23' 00"	106° 40' 23"	21° 21' 32"	106° 38' 57"	F-48-70-A-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 22' 22"	106° 37' 56"					F-48-70-A-d
thôn Đồng Nấm	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 22' 36"	106° 39' 41"					F-48-70-A-b
sông Lục Nam	TV	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn			21° 22' 26"	106° 36' 45"	21° 20' 48"	106° 39' 42"	F-48-70-A-d
thôn Núi Cá 1	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 22' 39"	106° 37' 50"					F-48-70-A-b
thôn Sàng Bến	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 22' 02"	106° 38' 18"					F-48-70-A-d
thôn Sàng Nội	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 22' 17"	106° 39' 04"					F-48-70-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thác Do	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 21' 55"	106° 37' 48"					F-48-70-A-d
thôn Trại Mật	DC	xã Tân Quang	H. Lục Ngạn	21° 21' 48"	106° 39' 15"					F-48-70-A-d
quốc lộ 279	KX	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn			21° 32' 50"	106° 37' 36"	21° 33' 45"	106° 36' 09"	F-48-58-C-d
thôn Bắc Hoa	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 22"	106° 37' 37"					F-48-58-C-d
thôn Đồng Dau	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 57"	106° 37' 14"					F-48-58-C-c
thôn Hả	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 28"	106° 37' 12"					F-48-58-C-c
thôn Hóa	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 57"	106° 38' 11"					F-48-58-C-d
sông Hóa	TV	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn			21° 36' 19"	106° 39' 21"	21° 34' 39"	106° 36' 09"	F-48-58-C-c
núi Khâu Dau	SV	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 54"	106° 37' 14"					F-48-58-C-c
núi Khâu Lầu	SV	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 51"	106° 39' 20"					F-48-58-C-d
thôn Khuôn Kén	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 35' 51"	106° 40' 40"					F-48-58-C-d
thôn Khuôn Phải	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 32' 29"	106° 38' 25"					F-48-58-C-d
thôn Khuôn So	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 32' 54"	106° 37' 19"					F-48-58-C-c
thôn Khuôn Tỏ	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 00"	106° 38' 52"					F-48-58-C-d
thôn Mấn	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 35"	106° 35' 55"					F-48-58-C-c
thôn Mòng A	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 34' 19"	106° 36' 44"					F-48-58-C-c
thôn Mòng B	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 40"	106° 36' 50"					F-48-58-C-c
thôn Nà Duông	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 33' 15"	106° 38' 12"					F-48-58-C-d
thôn Phố Chợ	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 32' 51"	106° 37' 32"					F-48-58-C-d
cầu Tân Sơn	KX	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 32' 51"	106° 37' 30"					F-48-58-C-d
thôn Thác Lười	DC	xã Tân Sơn	H. Lục Ngạn	21° 32' 41"	106° 37' 46"					F-48-58-C-d
thôn Bồng 1	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn							
thôn Bồng 2	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn							
thôn Bừng Núi	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 26' 34"	106° 35' 52"					F-48-70-A-a
thôn Bừng Rồng	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 26' 22"	106° 35' 28"					F-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bừng Ruộng	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 26' 14"	106° 35' 49"					F-48-70-A-a
thôn Cẩm Định	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 53"	106° 34' 31"					F-48-70-A-a
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 52"	106° 34' 50"					F-48-70-A-a
thôn Cẩm Vũ	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 24"	106° 35' 44"					F-48-70-A-a
núi Đèo Bừng	SV	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 27' 16"	106° 35' 41"					F-48-70-A-a
thôn Đồi Đỏ	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 01"	106° 35' 57"					F-48-70-A-a
thôn Đồng Tuấn	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 24' 52"	106° 34' 37"					F-48-70-A-a
thôn Giáp Thượng	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 58"	106° 35' 53"					F-48-70-A-a
thôn Giáp Trung	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 24' 50"	106° 36' 19"					F-48-70-A-a
thôn Hạ 1	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn							
thôn Hạ 2	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn							
thôn Hạ 3	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn							
thôn Hà Thanh	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 08"	106° 34' 56"					F-48-70-A-a
thôn Hồ Quế	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 24' 00"	106° 35' 14"					F-48-70-A-a
thôn Khuân Dẽo	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 26' 55"	106° 35' 39"					F-48-70-A-a
thôn Lai Cách	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 05"	106° 34' 35"					F-48-70-A-a
thôn Tân Giáp	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 14"	106° 36' 12"					F-48-70-A-a
thôn Tân Trường	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 23' 57"	106° 34' 47"					F-48-70-A-a
thôn Thanh Bình	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 55"	106° 35' 27"					F-48-70-A-a
thôn Trại Giữa	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 25' 39"	106° 34' 43"					F-48-70-A-a
thôn Trại Na	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 24' 52"	106° 35' 18"					F-48-70-A-a
thôn Vàng 1	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn							
thôn Vàng 2	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn							
thôn Xẻ Cũ	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 24' 19"	106° 33' 54"					F-48-70-A-a
thôn Xẻ Mới	DC	xã Thanh Hải	H. Lục Ngạn	21° 24' 09"	106° 34' 24"					F-48-70-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Ninh	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 23' 02"	106° 33' 31"					F-48-70-A-a
thôn Bình Nội	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 23' 25"	106° 33' 34"					F-48-70-A-a
thôn Gốc Vối	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 23' 55"	106° 34' 12"					F-48-70-A-a
thôn Hựu	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 21' 31"	106° 32' 55"					F-48-70-A-c
thôn Lay	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 20' 51"	106° 32' 27"					F-48-70-A-c
sông Lục Nam	TV	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn			21° 20' 49"	106° 32' 03"	21° 21' 57"	106° 33' 33"	F-48-70-A-c
thôn Mịn Con	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 23' 41"	106° 32' 09"					F-48-70-A-a
thôn Mịn To	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 23' 25"	106° 32' 49"					F-48-70-A-a
thôn Sậy Mới	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 23' 53"	106° 33' 24"					F-48-70-A-a
thôn Sậy To	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 24' 00"	106° 32' 58"					F-48-70-A-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 22' 06"	106° 33' 19"					F-48-70-A-c
thôn Thanh Cầu	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 23' 11"	106° 32' 57"					F-48-70-A-a
thôn Thanh Hùng	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 22' 54"	106° 32' 41"					F-48-70-A-a
thôn Thông	DC	xã Trù Hựu	H. Lục Ngạn	21° 21' 11"	106° 32' 45"					F-48-70-A-c
khu 7 (Đình)	DC	TT. An Châu	H. Sơn Động	21° 20' 23"	106° 51' 09"					F-48-70-B-c
khu 8 (Cại)	DC	TT. An Châu	H. Sơn Động	21° 20' 31"	106° 50' 40"					F-48-70-B-c
cầu An Lập	KX	TT. An Châu	H. Sơn Động	21° 20' 24"	106° 51' 03"					F-48-70-B-c
đường tỉnh 291	KX	TT. Thanh Sơn	H. Sơn Động			21° 14' 28"	106° 45' 34"	21° 12' 15"	106° 46' 45"	F-48-70-D-a
thôn Đồng Giang	DC	TT. Thanh Sơn	H. Sơn Động	21° 13' 09"	106° 46' 06"					F-48-70-D-a
thôn Đồng Thanh	DC	TT. Thanh Sơn	H. Sơn Động	21° 12' 51"	106° 46' 08"					F-48-70-D-a
xóm La Gà	DC	TT. Thanh Sơn	H. Sơn Động	21° 13' 24"	106° 46' 08"					F-48-70-D-a
thôn Néo	DC	TT. Thanh Sơn	H. Sơn Động	21° 13' 06"	106° 46' 45"					F-48-70-D-a
thôn Nòn	DC	TT. Thanh Sơn	H. Sơn Động	21° 12' 54"	106° 45' 43"					F-48-70-D-a
suối Nước Lĩnh	TV	TT. Thanh Sơn	H. Sơn Động			21° 13' 13"	106° 46' 20"	21° 13' 07"	106° 47' 10"	F-48-70-D-a
sông Nước Vàng	TV	TT. Thanh Sơn	H. Sơn Động			21° 14' 29"	106° 45' 35"	21° 11' 35"	106° 44' 41"	F-48-70-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 31	KX	xã An Bá	H. Sơn Động			21° 19' 53"	106° 50' 13"	21° 19' 30"	106° 48' 35"	F-48-70-B-c
thôn An Bá	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 19' 08"	106° 49' 50"					F-48-70-B-c
núi Cột Cờ	SV	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 17' 10"	106° 47' 43"					F-48-70-B-c
thôn Dầu	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 18' 48"	106° 49' 09"					F-48-70-B-c
núi Đá Cối	SV	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 17' 05"	106° 49' 17"					F-48-70-B-c
xóm Đồng Cốc	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 17' 21"	106° 48' 20"					F-48-70-B-c
khe Đồng Tàn	TV	xã An Bá	H. Sơn Động			21° 18' 26"	106° 48' 05"	21° 16' 45"	106° 48' 25"	F-48-70-B-c
xóm Gốc Hồng	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 19' 29"	106° 49' 38"					F-48-70-B-c
thôn Hai	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 19' 19"	106° 49' 33"					F-48-70-B-c
núi Hố Soong	SV	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 17' 17"	106° 50' 10"					F-48-70-B-c
núi Khe Đào	SV	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 17' 59"	106° 48' 52"					F-48-70-B-c
núi Khe Láy	SV	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 17' 32"	106° 48' 02"					F-48-70-B-c
núi Khe Tán	SV	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 17' 37"	106° 50' 18"					F-48-70-B-c
xóm Khe Tau	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 18' 35"	106° 50' 07"					F-48-70-B-c
khe Kim	TV	xã An Bá	H. Sơn Động			21° 19' 01"	106° 50' 13"	21° 17' 06"	106° 50' 39"	F-48-70-B-c
thôn Lái	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 18' 08"	106° 49' 45"					F-48-70-B-c
khe Lái	TV	xã An Bá	H. Sơn Động			21° 19' 01"	106° 50' 13"	21° 17' 16"	106° 50' 05"	F-48-70-B-c
sông Lục Ngạn	TV	xã An Bá	H. Sơn Động			21° 19' 40"	106° 50' 09"	21° 18' 34"	106° 47' 55"	F-48-70-B-c
núi Ngô Sẻ	SV	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 16' 47"	106° 48' 06"					F-48-70-B-c
xóm Nhà Chài	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 19' 19"	106° 49' 59"					F-48-70-B-c
khe Phượng Hoàng	TV	xã An Bá	H. Sơn Động			21° 17' 11"	106° 49' 59"	21° 16' 39"	106° 50' 04"	F-48-70-B-c
xóm Quỳnh Sơn	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 18' 56"	106° 50' 01"					F-48-70-B-c
sông Rãng	TV	xã An Bá	H. Sơn Động			21° 19' 02"	106° 49' 14"	21° 18' 38"	106° 50' 50"	F-48-70-B-c
khe Sắn	TV	xã An Bá	H. Sơn Động			21° 17' 11"	106° 49' 59"	21° 16' 37"	106° 49' 10"	F-48-70-B-c
thôn Tàn	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 17' 56"	106° 48' 19"					F-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Thôn Hai	KX	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 19' 35"	106° 49' 26"					F-48-70-B-c
thôn Vá	DC	xã An Bá	H. Sơn Động	21° 19' 06"	106° 48' 59"					F-48-70-B-c
đèo Chinh	SV	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 18' 55"	106° 51' 49"					F-48-70-B-c
núi Dông Đến	SV	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 19' 08"	106° 50' 43"					F-48-70-B-c
núi Dông Khế	SV	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 17' 52"	106° 50' 37"					F-48-70-B-c
núi Đá Tu	SV	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 21' 51"	106° 50' 07"					F-48-70-B-c
thôn Đồng Phe	DC	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 20' 25"	106° 50' 36"					F-48-70-B-c
thôn Hạ 1	DC	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 19' 40"	106° 50' 25"					F-48-70-B-c
thôn Ké	DC	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 19' 22"	106° 50' 36"					F-48-70-B-c
thôn Lốt	DC	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 19' 55"	106° 50' 03"					F-48-70-B-c
thôn Lừa	DC	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 21' 11"	106° 50' 22"					F-48-70-B-c
núi Mều Gà	SV	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 20' 07"	106° 49' 38"					F-48-70-B-c
thôn Mỏ	DC	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 18' 53"	106° 50' 45"					F-48-70-B-c
sông Rãng	TV	xã An Châu	H. Sơn Động			21° 19' 18"	106° 50' 26"	21° 18' 37"	106° 52' 05"	F-48-70-B-c
thôn Thượng	DC	xã An Châu	H. Sơn Động	21° 19' 58"	106° 50' 21"					F-48-70-B-c
núi Ao Mùng	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 17' 45"	106° 54' 30"					F-48-70-B-d
núi Ao Vả	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 34"	106° 52' 27"					F-48-70-B-c
núi Ba Dội	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 45"	106° 53' 47"					F-48-70-B-d
thôn Biểng	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 21' 20"	106° 56' 44"					F-48-70-B-d
núi Cốc Mó	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 13"	106° 55' 47"					F-48-70-B-d
núi Đá Bạc	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 16' 43"	106° 56' 29"					F-48-70-B-d
núi Đất Đen	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 18' 37"	106° 55' 38"					F-48-70-B-d
thôn Đồng Bài	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 20' 05"	106° 55' 33"					F-48-70-B-d
thôn Đồng Bây	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 20' 36"	106° 56' 22"					F-48-70-B-d
thôn Đồng Dương	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 11"	106° 54' 58"					F-48-70-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Khao	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 18' 58"	106° 56' 08"					F-48-70-B-d
thôn Đường Nội	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 18' 36"	106° 52' 44"					F-48-70-B-d
núi Gốc Gạo	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 18' 21"	106° 55' 02"					F-48-70-B-d
núi Khau Chon	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 20' 04"	106° 59' 18"					F-48-70-B-d
núi Khau Liềng	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 22' 26"	106° 57' 35"					F-48-70-B-d
núi Khau Mu	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 56"	106° 57' 59"					F-48-70-B-d
núi Khau Nam	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 21' 11"	106° 58' 20"					F-48-70-B-d
cầu Khe Báng	KX	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 17' 39"	106° 53' 07"					F-48-70-B-d
núi Khe Đin	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 20' 30"	107° 00' 23"					F-48-71-A-c
vực Khe Mắt	TV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 29"	106° 54' 53"					F-48-70-B-d
núi Khe Phúc	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 22' 54"	106° 57' 49"					F-48-70-B-b
núi Khe Trắng	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 18' 06"	106° 57' 08"					F-48-70-B-d
núi Khe Vàng	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 04"	106° 58' 52"					F-48-70-B-d
sông Lục Nam	TV	xã An Lạc	H. Sơn Động			21° 22' 32"	106° 58' 42"	21° 19' 38"	106° 54' 33"	F-48-70-B-b F-48-70-B-d
thôn Mới	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 21' 16"	106° 57' 16"					F-48-70-B-d
núi Nà Mắt	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 21' 37"	106° 55' 44"					F-48-70-B-d
núi Nà Mười	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 22"	107° 01' 21"					F-48-71-A-c
thôn Nà Ó	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 20' 56"	106° 57' 02"					F-48-70-B-d
thôn Nà Trắng	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 21' 41"	106° 58' 46"					F-48-70-B-d
núi Năm Ngọn	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 20' 08"	106° 54' 35"					F-48-70-B-d
khe Pén	TV	xã An Lạc	H. Sơn Động			21° 19' 29"	107° 00' 23"	21° 18' 07"	106° 59' 44"	F-48-71-A-c F-48-70-B-d
núi Phò Thác	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 06"	106° 57' 41"					F-48-70-B-d
thôn Rõng	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 18' 53"	106° 53' 51"					F-48-70-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sam Ngàm	SV	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 20' 24"	106° 57' 14"					F-48-70-B-d
cầu Sông Giăng	KX	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 18' 27"	106° 52' 49"					F-48-70-B-d
thôn Thác	DC	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 19' 51"	106° 55' 51"					F-48-70-B-d
mỏ đá Thôn Dõng	KX	xã An Lạc	H. Sơn Động	21° 18' 56"	106° 54' 28"					F-48-70-B-d
quốc lộ 31	KX	xã An Lập	H. Sơn Động			21° 20' 31"	106° 51' 22"	21° 21' 08"	106° 52' 51"	F-48-70-B-c F-48-70-B-d
quốc lộ 279	KX	xã An Lập	H. Sơn Động			21° 18' 55"	106° 51' 51"	21° 19' 32"	106° 51' 04"	F-48-70-B-c
cầu An Châu	KX	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 19' 34"	106° 50' 53"					F-48-70-B-c
thôn Chao	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 19' 54"	106° 51' 31"					F-48-70-B-c
thôn Chào	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 20' 31"	106° 51' 39"					F-48-70-B-c
làng Chẽ	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 20' 03"	106° 51' 10"					F-48-70-B-c
núi Cửa Đá	SV	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 21' 46"	106° 50' 52"					F-48-70-B-c
cầu Han	KX	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 21' 03"	106° 52' 34"					F-48-70-B-d
thôn Han 1	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 20' 38"	106° 52' 26"					F-48-70-B-c
thôn Hiệp	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 21' 14"	106° 51' 01"					F-48-70-B-c
suối Khe Tát	TV	xã An Lập	H. Sơn Động			21° 21' 10"	106° 51' 51"	21° 22' 28"	106° 50' 41"	F-48-70-B-c
thôn Làng Chẽ	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 20' 10"	106° 51' 40"					F-48-70-B-c
sông Lục Nam	TV	xã An Lập	H. Sơn Động			21° 19' 35"	106° 50' 54"	21° 20' 54"	106° 52' 49"	F-48-70-B-c F-48-70-B-d
cầu Mai Hiên	KX	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 20' 51"	106° 52' 05"					F-48-70-B-c
thôn Mặn	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 20' 16"	106° 51' 56"					F-48-70-B-c
thôn Mật	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 20' 59"	106° 51' 37"					F-48-70-B-c
thôn Reo	DC	xã An Lập	H. Sơn Động	21° 21' 07"	106° 50' 44"					F-48-70-B-c
thôn Am	DC	xã Bồng Am	H. Sơn Động	21° 16' 01"	106° 47' 30"					F-48-70-B-c
núi Ao Dùng	SV	xã Bồng Am	H. Sơn Động	21° 16' 18"	106° 49' 44"					F-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khe Cóc	SV	xã Bồng Am	H. Sơn Động	21° 16' 10"	106° 49' 49"					F-48-70-B-c
khe Mai	TV	xã Bồng Am	H. Sơn Động			21° 16' 08"	106° 47' 29"	21° 15' 37"	106° 47' 20"	F-48-70-B-c
thôn Mùng	DC	xã Bồng Am	H. Sơn Động	21° 14' 17"	106° 50' 05"					F-48-70-D-a
thôn Nam Bồng	DC	xã Bồng Am	H. Sơn Động	21° 15' 31"	106° 49' 09"					F-48-70-B-c
khe Nươn	TV	xã Bồng Am	H. Sơn Động			21° 15' 53"	106° 47' 43"	21° 15' 30"	106° 47' 35"	F-48-70-B-c
sông Om	TV	xã Bồng Am	H. Sơn Động			21° 16' 09"	106° 46' 48"	21° 14' 12"	106° 50' 13"	F-48-70-B-c F-48-70-D-a
thôn Sơn Hà	DC	xã Bồng Am	H. Sơn Động	21° 15' 37"	106° 47' 59"					F-48-70-B-c
núi Tiếp	SV	xã Bồng Am	H. Sơn Động	21° 15' 40"	106° 47' 00"					F-48-70-B-c
cầu Ao Giang	KX	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	106° 46' 26"	21° 22' 51"					F-48-70-B-a
thôn Cẩm Đàn	DC	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	21° 21' 59"	106° 46' 22"					F-48-70-B-c
sông Cẩm Đàn	TV	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động			21° 23' 08"	106° 46' 34"	21° 20' 46"	106° 47' 02"	F-48-70-B-a F-48-70-B-c
thôn Đồng Bưa	DC	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	21° 22' 15"	106° 46' 14"					F-48-70-B-a
thôn Gốc Gạo	DC	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	21° 21' 56"	106° 46' 52"					F-48-70-B-c
khe Khính	TV	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động			21° 20' 52"	106° 47' 00"	21° 20' 59"	106° 47' 36"	F-48-70-B-c
Khuôn Mười	DC	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	21° 23' 10"	106° 47' 25"					F-48-70-B-a
thôn Răng	DC	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	21° 21' 31"	106° 46' 19"					F-48-70-B-c
thôn Rộc Nẩy	DC	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	21° 21' 41"	106° 45' 25"					F-48-70-B-c
thôn Thượng	DC	xã Cẩm Đàn	H. Sơn Động	21° 22' 51"	106° 46' 45"					F-48-70-B-a
sông Cẩm Đàn	TV	xã Chiên Sơn	H. Sơn Động			21° 23' 56"	106° 46' 31"	21° 22' 56"	106° 46' 35"	F-48-70-B-a
thôn Chiên	DC	xã Chiên Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 25"	106° 46' 55"					F-48-70-B-a
thôn Đồng Bang	DC	xã Chiên Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 31"	106° 47' 49"					F-48-70-B-a
thôn Đồng Chanh	DC	xã Chiên Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 09"	106° 47' 01"					F-48-70-B-a
xóm Khuân Ngoát	DC	xã Chiên Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 59"	106° 47' 36"					F-48-70-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Quang	DC	xã Chiên Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 06"	106° 46' 52"					F-48-70-B-a
quốc lộ 279	KX	xã Dương Hưu	H. Sơn Động			21° 17' 26"	106° 52' 48"	21° 14' 33"	106° 53' 53"	F-48-70-B-d F-48-70-D-b
núi Đá Chồng	SV	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 17' 02"	106° 54' 12"					F-48-70-B-d
hồ Đá Chồng	TV	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 13' 17"	106° 56' 16"					F-48-70-D-b
cầu Đập Mục	KX	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 16' 05"	106° 53' 54"					F-48-70-B-d
thôn Đồng Bên	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 15' 56"	106° 54' 12"					F-48-70-B-d
thôn Đồng Làng	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 15' 55"	106° 56' 09"					F-48-70-B-d
thôn Đồng Mạ	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 14' 35"	106° 56' 37"					F-48-70-D-b
thôn Đồng Riễu	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 14' 52"	106° 57' 30"					F-48-70-D-b
núi Khe Cháy	SV	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 13' 33"	106° 58' 01"					F-48-70-D-b
thôn Khe Khuôi	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 13' 11"	106° 57' 23"					F-48-70-D-b
sông Khe Thán	TV	xã Dương Hưu	H. Sơn Động			21° 15' 43"	106° 57' 15"	21° 14' 15"	106° 55' 49"	F-48-70-B-d F-48-70-D-b
suối Lam	TV	xã Dương Hưu	H. Sơn Động			21° 14' 15"	106° 55' 49"	21° 13' 51"	106° 54' 34"	F-48-70-D-b
thôn Lốc	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 14' 37"	106° 55' 11"					F-48-70-D-b
thôn Mục	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 15' 05"	106° 54' 23"					F-48-70-B-d
cầu Mục	KX	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 15' 36"	106° 54' 14"					F-48-70-B-d
thôn Mùng	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 12' 44"	106° 55' 13"					F-48-70-D-b
suối Mùng	TV	xã Dương Hưu	H. Sơn Động			21° 14' 15"	106° 53' 59"	21° 13' 51"	106° 54' 34"	F-48-70-D-b
thôn Rạng Đông	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 13' 58"	106° 55' 58"					F-48-70-D-b
cầu Suối Lóc	KX	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 14' 32"	106° 53' 52"					F-48-70-D-b
thôn Thán	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 14' 58"	106° 56' 59"					F-48-70-D-b
thôn Thoi	DC	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 14' 35"	106° 55' 55"					F-48-70-D-b
đèo Tiếm	SV	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 15' 38"	106° 58' 54"					F-48-70-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tú	SV	xã Dương Hưu	H. Sơn Động	21° 16' 30"	106° 55' 23"					F-48-70-B-d
khuôn Kéo	TV	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động			21° 23' 09"	106° 49' 05"	21° 22' 36"	106° 49' 47"	F-48-70-B-a
thôn Đá Cối	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 13"	106° 47' 35"					F-48-70-B-a
Đồng Cấp	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 22' 59"	106° 47' 39"					F-48-70-B-a
thôn Đồng Cún	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 44"	106° 48' 45"					F-48-70-B-a
thôn Đồng Đõng	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 11"	106° 49' 14"					F-48-70-B-a
thôn Gốc Sau	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 22' 57"	106° 48' 59"					F-48-70-B-a
xóm Kép	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 08"	106° 48' 01"					F-48-70-B-a
núi Khe Tát	SV	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 22' 49"	106° 50' 52"					F-48-70-B-a
núi Khuân Nghè	SV	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 22' 43"	106° 49' 50"					F-48-70-B-a
núi Khuôn Già	SV	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 22' 35"	106° 48' 36"					F-48-70-B-a F-48-70-B-c
xóm Lân	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 22' 45"	106° 48' 13"					F-48-70-B-a
Nhà Sáo	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 41"	106° 48' 17"					F-48-70-B-a
Nhà Xả	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 09"	106° 48' 31"					F-48-70-B-a
khe Nước Vàng	TV	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động			21° 23' 09"	106° 49' 05"	21° 23' 26"	106° 50' 55"	F-48-70-B-a
thôn Rèm	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 21"	106° 48' 29"					F-48-70-B-a
núi Se Hào	SV	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 22' 04"	106° 48' 34"					F-48-70-B-c
thôn Việt Ngoài	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 23"	106° 49' 40"					F-48-70-B-a
thôn Việt Trong	DC	xã Giáo Liêm	H. Sơn Động	21° 23' 24"	106° 50' 06"					F-48-70-B-a
quốc lộ 31	KX	xã Hữu Sản	H. Sơn Động			21° 22' 55"	106° 56' 50"	21° 25' 41"	106° 59' 45"	F-48-70-B-b
cầu Dần	KX	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 23' 28"	106° 56' 49"					F-48-70-B-b
thôn Dần 1	DC	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 23' 32"	106° 56' 55"					F-48-70-B-b
thôn Dần 2	DC	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 23' 56"	106° 58' 51"					F-48-70-B-b
thôn Dần 3	DC	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 24' 04"	106° 56' 46"					F-48-70-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Hữu Sản 1	KX	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 24' 17"	106° 58' 14"					F-48-70-B-b
cầu Hữu Sản 2	KX	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 24' 27"	106° 58' 26"					F-48-70-B-b
cầu Hữu Sản 3	KX	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 25' 06"	106° 59' 24"					F-48-70-B-b
núi Khau Sao	SV	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 26' 14"	106° 58' 10"					F-48-70-B-b
núi Khe Chao	SV	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 23' 06"	106° 58' 05"					F-48-70-B-b
núi Khe Pén	SV	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 24' 56"	106° 57' 45"					F-48-70-B-b
sông Lục Nam	TV	xã Hữu Sản	H. Sơn Động			21° 22' 31"	106° 58' 42"	21° 23' 24"	106° 59' 08"	F-48-70-B-b
thôn Sản 1	DC	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 24' 22"	106° 58' 16"					F-48-70-B-b
thôn Sản 3	DC	xã Hữu Sản	H. Sơn Động	21° 24' 56"	106° 58' 50"					F-48-70-B-b
quốc lộ 31	KX	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động			21° 22' 04"	106° 54' 59"	21° 21' 02"	106° 52' 53"	F-48-70-B-d
thôn Cướm	DC	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 21' 02"	106° 53' 54"					F-48-70-B-d
núi Khau Kha	SV	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 20' 29"	106° 54' 23"					F-48-70-B-d
thôn Lạnh	DC	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 20' 25"	106° 53' 38"					F-48-70-B-d
thôn Lọ	DC	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 21' 40"	106° 54' 52"					F-48-70-B-d
sông Lục Nam	TV	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động			21° 19' 38"	106° 54' 33"	21° 39' 19"	106° 53' 03"	F-48-70-B-d
thôn Mo Luông	DC	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 21' 05"	106° 53' 30"					F-48-70-B-d
cầu Nà Cái 1	KX	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 21' 30"	106° 53' 29"					F-48-70-B-d
cầu Nà Cái 2	KX	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 21' 35"	106° 53' 40"					F-48-70-B-d
thôn Nà Phai	DC	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 21' 06"	106° 53' 06"					F-48-70-B-d
thôn Thanh Trà	DC	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 19' 57"	106° 52' 02"					F-48-70-B-c
thôn Thia	DC	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 20' 44"	106° 52' 54"					F-48-70-B-d
cầu Thia	KX	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 21' 09"	106° 52' 51"					F-48-70-B-d
thôn Tu Nim	DC	xã Lệ Viễn	H. Sơn Động	21° 20' 17"	106° 52' 53"					F-48-70-B-d
quốc lộ 279	KX	xã Long Sơn	H. Sơn Động			21° 14' 53"	106° 53' 57"	21° 11' 17"	106° 50' 47"	F-48-70-D-a F-48-70-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bãi Làng	TV	xã Long Sơn	H. Sơn Động			21° 14' 33"	106° 53' 51"	21° 13' 56"	106° 52' 59"	F-48-70-D-b
thôn Bầu	DC	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 13' 45"	106° 53' 36"					F-48-70-D-b
sông Bè	TV	xã Long Sơn	H. Sơn Động			21° 16' 50"	106° 53' 04"	21° 14' 32"	106° 53' 52"	F-48-70-B-d
núi Béo	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 15' 32"	106° 52' 50"					F-48-70-B-d
núi Con Voi	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 14' 09"	106° 51' 52"					F-48-70-D-a
núi Dông Bịp	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 12' 08"	106° 52' 13"					F-48-70-D-b
thôn Đẫng	DC	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 14' 30"	106° 53' 01"					F-48-70-D-b
suối Đẫng	TV	xã Long Sơn	H. Sơn Động			21° 14' 53"	106° 53' 47"	21° 14' 21"	106° 51' 20"	F-48-70-D-b
thôn Điệu	DC	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 14' 01"	106° 52' 49"					F-48-70-D-b
thôn Đồng Chòi	DC	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 15' 08"	106° 53' 46"					F-48-70-D-d
cầu Hạ	KX	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 13' 47"	106° 53' 25"					F-48-70-D-b
núi Hạ My	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 11' 23"	106° 51' 04"					F-48-70-D-a
núi Hang Chiềng	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 12' 34"	106° 53' 37"					F-48-70-D-b
núi Hố Giời	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 14' 51"	106° 50' 54"					F-48-70-D-a
núi Khế	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 13' 59"	106° 51' 20"					F-48-70-D-a
hồ Khe Chảo	TV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 12' 02"	106° 51' 59"					F-48-70-D-a
suối Khe Da	TV	xã Long Sơn	H. Sơn Động			21° 13' 46"	106° 54' 39"	21° 12' 15"	106° 54' 24"	F-48-70-D-b
núi Khe Mai	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 16' 33"	106° 51' 07"					F-48-70-B-c
suối Khe Ngành	TV	xã Long Sơn	H. Sơn Động			21° 13' 56"	106° 52' 59"	21° 12' 20"	106° 53' 06"	F-48-70-D-b
núi Khe Rại	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 11' 29"	106° 52' 51"					F-48-70-D-b
núi Khe Tăng	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 10' 48"	106° 53' 26"					F-48-70-D-b
núi Lái Đẳm	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 14' 42"	106° 51' 03"					F-48-70-D-a
núi Mè Làng	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 11' 28"	106° 53' 48"					F-48-70-D-b
suối Mùng	TV	xã Long Sơn	H. Sơn Động			21° 14' 15"	106° 53' 59"	21° 13' 51"	106° 54' 33"	F-48-70-D-b
núi Phượng Hoàng	SV	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 16' 11"	106° 50' 33"					F-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Riểu	TV	xã Long Sơn	H. Sơn Động			21° 13' 31"	106° 52' 02"	21° 13' 52"	106° 51' 27"	F-48-70-D-a
cầu Tảo	KX	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 13' 15"	106° 52' 48"					F-48-70-D-b
thôn Tảu	DC	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 12' 52"	106° 52' 17"					F-48-70-D-a
thôn Thượng	DC	xã Long Sơn	H. Sơn Động	21° 13' 04"	106° 53' 07"					F-48-70-D-b
thôn Đồng Mương	DC	xã Phúc Thắng	H. Sơn Động	21° 25' 14"	106° 49' 34"					F-48-70-B-a
thôn Mới	DC	xã Phúc Thắng	H. Sơn Động	21° 25' 39"	106° 48' 11"					F-48-70-B-a
thôn Suối Hấu 1	DC	xã Phúc Thắng	H. Sơn Động	21° 24' 40"	106° 50' 54"					F-48-70-B-a
sông Thác Cỏ	TV	xã Phúc Thắng	H. Sơn Động			21° 25' 43"	106° 49' 43"	21° 25' 37"	106° 47' 47"	F-48-70-B-a
thôn Thước 1	DC	xã Phúc Thắng	H. Sơn Động							
thôn Thước 2	DC	xã Phúc Thắng	H. Sơn Động							
núi Ba Vành	SV	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 17"	106° 48' 27"					F-48-70-B-a
thôn Ghè	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 48"	106° 47' 44"					F-48-70-B-a
thôn Gốc Lâm	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 23"	106° 47' 48"					F-48-70-B-a
thôn Khâm Khang	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 34' 18"	106° 47' 17"					F-48-70-B-a
thôn Khuân Cầu 1	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 25' 26"	106° 47' 47"					F-48-70-B-a
Khuân Cầu 2	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 25' 13"	106° 48' 10"					F-48-70-B-a
thôn Mìn	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 25' 20"	106° 47' 20"					F-48-70-B-a
thôn Nà Làng	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 40"	106° 46' 50"					F-48-70-B-a
thôn Rọp	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 25' 04"	106° 47' 49"					F-48-70-B-a
thôn Sỏi	DC	xã Quế Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 56"	106° 47' 16"					F-48-70-B-a
sông Thác Cỏ	TV	xã Quế Sơn	H. Sơn Động			21° 25' 37"	106° 47' 47"	21° 24' 18"	106° 47' 10"	F-48-70-B-a
thôn Đồng Băm	DC	xã Thạch Sơn	H. Sơn Động	21° 25' 59"	106° 52' 39"					F-48-70-B-b
thôn Đồng Cao	DC	xã Thạch Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 36"	106° 52' 37"					F-48-70-B-b
núi Khau Cạng	SV	xã Thạch Sơn	H. Sơn Động	21° 25' 32"	106° 50' 52"					F-48-70-B-a
thôn Non Tá	DC	xã Thạch Sơn	H. Sơn Động	21° 26' 11"	106° 50' 10"					F-48-70-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thác Cỏ	TV	xã Thạch Sơn	H. Sơn Động			21° 26' 28"	106° 50' 43"	21° 25' 43"	106° 49' 43"	F-48-70-B-a
đường tỉnh 291	KX	xã Thanh Luận	H. Sơn Động			21° 12' 15"	106° 46' 45"	21° 12' 21"	106° 47' 29"	F-48-70-D-a
núi Bằng Cát	SV	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 10' 36"	106° 49' 31"					F-48-70-D-a
núi Bảo Đài	SV	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 09' 22"	106° 47' 59"					F-48-70-D-a
đèo Cánh Hồng	SV	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 11' 32"	106° 50' 27"					F-48-70-D-a
núi Cao Bằng	SV	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 11' 23"	106° 47' 32"					F-48-70-D-a
đèo Dẻ	SV	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 12' 54"	106° 50' 05"					F-48-70-D-a
núi Đầu Bạch	SV	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 11' 32"	106° 49' 14"					F-48-70-D-a
mỏ than Đồng Dì	KX	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 10' 24"	106° 47' 44"					F-48-70-D-a
suối Đồng Rí	TV	xã Thanh Luận	H. Sơn Động			21° 10' 56"	106° 46' 03"	21° 09' 39"	106° 49' 08"	F-48-70-D-a
thôn Gà	DC	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 13' 08"	106° 47' 41"					F-48-70-D-a
đèo Hạ My	SV	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 11' 19"	106° 50' 46"					F-48-70-D-a
Xí nghiệp Khai thác than X45	KX	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 10' 42"	106° 47' 33"					F-48-70-D-a
thôn Náng	DC	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 12' 07"	106° 47' 07"					F-48-70-D-a
thôn Rón	DC	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 12' 36"	106° 48' 42"					F-48-70-D-a
thôn Thanh Bình	DC	xã Thanh Luận	H. Sơn Động	21° 12' 42"	106° 48' 22"					F-48-70-D-a
đường tỉnh 291	KX	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động			21° 18' 56"	106° 47' 33"	21° 14' 28"	106° 45' 33"	F-48-70-B-c F-48-70-D-a
thôn Bãi Chợ	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 16' 35"	106° 46' 08"					F-48-70-B-c
thôn Bảo Tuấn	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 14' 46"	106° 43' 26"					F-48-70-C-b
núi Bò Các	SV	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 15' 43"	106° 43' 49"					F-48-70-A-d
thôn Chủa	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 16' 10"	106° 45' 42"					F-48-70-B-c
núi Đá Bạc	SV	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 16' 42"	106° 47' 25"					F-48-70-B-c
thôn Đồng Mé	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 17' 37"	106° 45' 51"					F-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Ram	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 17' 08"	106° 46' 33"					F-48-70-B-c
thôn Đồng Sim	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 17' 23"	106° 46' 36"					F-48-70-B-c
thôn Đồng Thủm	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 17' 48"	106° 46' 21"					F-48-70-B-c
hồ Đồng Thủm	TV	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 17' 35"	106° 46' 21"					F-48-70-B-c
thôn Đông Tuấn	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 14' 59"	106° 43' 46"					F-48-70-C-b
núi Lái Lê	SV	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 13' 45"	106° 43' 42"					F-48-70-C-b
thôn Lãn Chè	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 18' 48"	106° 47' 27"					F-48-70-B-c
thôn Nghẽo	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 18' 31"	106° 47' 01"					F-48-70-B-c
thôn Sầy	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 17' 09"	106° 46' 00"					F-48-70-B-c
thôn Trại Mới	DC	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 16' 03"	106° 45' 07"					F-48-70-B-c
núi U Bò	SV	xã Tuấn Đạo	H. Sơn Động	21° 16' 43"	106° 44' 02"					F-48-70-A-d
thôn Bài	DC	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 12' 49"	106° 44' 51"					F-48-70-C-b
suối Bài	TV	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động			21° 13' 32"	106° 45' 50"	21° 12' 30"	106° 43' 40"	F-48-70-D-a F-48-70-C-b
đèo Bụt	SV	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 12' 19"	106° 40' 41"					F-48-70-C-b
đèo Gió	SV	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 10' 05"	106° 42' 00"					F-48-70-C-b
núi Lái Am	SV	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 12' 40"	106° 42' 11"					F-48-70-C-b
thôn Mậu	DC	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 12' 13"	106° 42' 35"					F-48-70-C-b
núi Mít	SV	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 14' 47"	106° 46' 58"					F-48-70-D-a
núi Ngựa Lồng	SV	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 11' 35"	106° 45' 40"					F-48-70-D-a
núi Ô Rô	SV	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 11' 44"	106° 44' 40"					F-48-70-C-b
thôn Thanh An	DC	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 12' 24"	106° 43' 20"					F-48-70-C-b
thôn Thanh Chung	DC	xã Tuấn Mậu	H. Sơn Động	21° 12' 26"	106° 43' 54"					F-48-70-C-b
núi Bà Nàng	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 39"	106° 55' 49"					F-48-70-B-b
núi Ba Voi	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 24"	106° 54' 47"					F-48-70-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồng Mần	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 22' 25"	106° 54' 08"					F-48-70-B-d
thôn Gà	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 59"	106° 54' 33"					F-48-70-B-b
núi Hang Vua	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 40"	106° 53' 26"					F-48-70-B-b
thôn Khả	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 18"	106° 55' 07"					F-48-70-B-b
núi Khau Áng	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 39"	106° 54' 14"					F-48-70-B-b
núi Khau Làn	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 07"	106° 56' 03"					F-48-70-B-b
núi Khau Mỏ	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 24' 29"	106° 55' 44"					F-48-70-B-b
núi Khau Trang	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 22' 53"	106° 53' 30"					F-48-70-B-b
thôn Khe Dín	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 13"	106° 53' 22"					F-48-70-B-b
Nà Pai	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 26"	106° 55' 03"					F-48-70-B-b
thôn Nà Tèng	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 22' 14"	106° 56' 28"					F-48-70-B-d
cầu Nà Tèng	KX	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 22' 28"	106° 56' 36"					F-48-70-B-d
Nà Tiu	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 23' 39"	106° 55' 09"					F-48-70-B-b
thôn Nà Vàng	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 22' 25"	106° 53' 39"					F-48-70-B-d
thôn Phe	DC	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 22' 27"	106° 55' 34"					F-48-70-B-d
cầu Phe	KX	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 22' 11"	106° 55' 34"					F-48-70-B-d
núi Sư Vang	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 25' 44"	106° 54' 11"					F-48-70-B-b
núi Tồ Hương	SV	xã Vân Sơn	H. Sơn Động	21° 22' 42"	106° 54' 48"					F-48-70-B-b
thôn Ao Bồng	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 21' 26"	106° 52' 37"					F-48-70-B-d
thôn Doan	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 21' 58"	106° 53' 03"					F-48-70-B-d
thôn Đặng	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 21' 49"	106° 52' 37"					F-48-70-B-d
Đồng Chậu	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 23' 08"	106° 52' 51"					F-48-70-B-b
thôn Đồng Mặn	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 21' 28"	106° 52' 27"					F-48-70-B-c
thôn Đồng Tang	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 21' 36"	106° 51' 23"					F-48-70-B-c
thôn Hắng	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 21' 28"	106° 51' 49"					F-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Hắng	TV	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động			21° 21' 10"	106° 51' 46"	21° 23' 02"	106° 51' 02"	F-48-70-B-c F-48-70-B-a
núi Khe Dắt	SV	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 23' 42"	106° 52' 02"					F-48-70-B-a
suối Khe Tát	TV	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động			21° 21' 10"	106° 51' 46"	21° 22' 05"	106° 50' 54"	F-48-70-B-c
thôn Luông	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 22' 17"	106° 53' 28"					F-48-70-B-d
Nà Dậu	DC	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 21' 34"	106° 52' 51"					F-48-70-B-d
núi Ngàn Lang	SV	xã Vĩnh Khương	H. Sơn Động	21° 22' 46"	106° 52' 09"					F-48-70-B-a
núi Bà Bảng	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 20' 21"	106° 47' 02"					F-48-70-B-c
sông Cẩm Đàn	TV	xã Yên Định	H. Sơn Động			21° 18' 48"	106° 47' 14"	21° 20' 46"	106° 47' 02"	F-48-70-B-c
núi Cầu Tân	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 18' 59"	106° 45' 34"					F-48-70-B-c
khe Cầu Tân	TV	xã Yên Định	H. Sơn Động			21° 18' 20"	106° 45' 43"	21° 18' 50"	106° 45' 57"	F-48-70-B-c
thôn Đồng Chu	DC	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 19' 52"	106° 48' 07"					F-48-70-B-c
thôn Đồng Hả	DC	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 18' 26"	106° 46' 26"					F-48-70-B-c
núi Hố U	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 20' 38"	106° 47' 27"					F-48-70-B-c
thôn Khe Táu	DC	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 19' 17"	106° 47' 01"					F-48-70-B-c
núi Khe Tranh	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 21' 45"	106° 49' 20"					F-48-70-B-c
núi Máng Lạc	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 22' 04"	106° 48' 45"					F-48-70-B-c
núi Mặt Quỷ	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 20' 42"	106° 49' 12"					F-48-70-B-c
thôn Nhân Định	DC	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 19' 49"	106° 47' 32"					F-48-70-B-c
cầu Quốc Tuấn	KX	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 19' 44"	106° 47' 55"					F-48-70-B-c
núi Rông Lăn	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 21' 03"	106° 48' 54"					F-48-70-B-c
núi Rông Táu	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 20' 44"	106° 48' 16"					F-48-70-B-c
núi Rừng Ngang	SV	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 18' 26"	106° 45' 59"					F-48-70-B-c
sông Sạ Tích	TV	xã Yên Định	H. Sơn Động			21° 19' 22"	106° 47' 38"	21° 21' 11"	106° 48' 39"	F-48-70-B-c
thôn Tiên Lý	DC	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 21' 18"	106° 48' 30"					F-48-70-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Trại Chùa	DC	xã Yên Định	H. Sơn Động	21° 19' 06"	106° 47' 23"					F-48-70-B-c
khu Đầu	DC	TT. Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 44"	106° 07' 32"					F-48-69-A-b
khu Đình Giã	DC	TT. Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 16"	106° 07' 07"					F-48-69-A-a
khu Đông	DC	TT. Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 06"	106° 07' 19"					F-48-69-A-a
khu Đồng Mới	DC	TT. Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 14"	106° 06' 36"					F-48-69-A-a
khu Ngò	DC	TT. Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 22' 52"	106° 07' 14"					F-48-69-A-a
khu Nguộn	DC	TT. Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 31"	106° 07' 20"					F-48-69-A-a
khu Thiếm	DC	TT. Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 48"	106° 07' 10"					F-48-69-A-a
phố Bài	DC	TT. Nhã Nam	H. Tân Yên	21° 23' 16"	106° 07' 07"					F-48-69-A-a
phố Bùng	DC	TT. Nhã Nam	H. Tân Yên	21° 23' 06"	106° 07' 19"					F-48-69-A-a
thôn Am	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 18"	106° 05' 08"					F-48-69-A-a
thôn Bùng	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 56"	106° 05' 05"					F-48-69-A-a
thôn Cầm	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 49"	106° 04' 57"					F-48-69-A-a
ngòi Cầu Đồng	TV	xã An Dương	H. Tân Yên			21° 24' 19"	106° 04' 12"	21° 23' 31"	106° 04' 30"	F-48-69-A-a
thôn Châu	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 03"	106° 05' 21"					F-48-69-A-a
thôn Chợ	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 25' 42"	106° 05' 27"					F-48-69-A-a
cụm Cửa Quán	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 42"	106° 05' 37"					F-48-69-A-a
thôn Dương Lâm	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 25' 24"	106° 05' 26"					F-48-69-A-a
thôn Đèo	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 23' 34"	106° 04' 44"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Ván	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 25' 17"	106° 05' 42"					F-48-69-A-a
thôn Đụn 3	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 25' 14"	106° 04' 37"					F-48-69-A-a
thôn Giữa	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 25' 31"	106° 05' 36"					F-48-69-A-a
thôn Hạ	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 26' 14"	106° 05' 23"					F-48-69-A-a
cụm Hang Vân	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 47"	106° 04' 23"					F-48-69-A-a
thôn Minh Tân	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 25' 23"	106° 05' 01"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngàn Am	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 23' 53"	106° 04' 57"					F-48-69-A-a
thôn Ngàn Ván	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 26"	106° 04' 23"					F-48-69-A-a
thôn Non	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 26' 00"	106° 05' 38"					F-48-69-A-a
đập Ô Dô	KX	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 48"	106° 05' 57"					F-48-69-A-a
thôn Tân Lập	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 25' 50"	106° 05' 14"					F-48-69-A-a
thôn Tiêu	DC	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 35"	106° 05' 09"					F-48-69-A-a
núi Vua	SV	xã An Dương	H. Tân Yên	21° 24' 17"	106° 05' 36"					F-48-69-A-a
ngòi Yên	TV	xã An Dương	H. Tân Yên			21° 23' 27"	106° 05' 02"	21° 23' 57"	106° 05' 37"	F-48-69-A-a
thôn Bậu	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 33"	106° 08' 01"					F-48-69-A-b
thôn Bùi	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 28"	106° 08' 14"					F-48-69-A-b
thôn Cao Thượng	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 22' 51"	106° 07' 51"					F-48-69-A-b
thôn Chám	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 40"	106° 07' 50"					F-48-69-A-b
thôn Hòa Sơn	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 24' 07"	106° 07' 43"					F-48-69-A-b
thôn Hợp Tiến	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 22"	106° 07' 41"					F-48-69-A-b
thôn Ngoài Hạ	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên							
thôn Phố Bùi	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 23' 16"	106° 08' 06"					F-48-69-A-b
thôn Tân Lập	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên	21° 24' 06"	106° 08' 05"					F-48-69-A-b
thôn Trong Hạ	DC	xã Cao Thượng	H. Tân Yên							
xứ đồng Bờ Nguỗn	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 24' 11"	106° 06' 01"					F-48-69-A-a
núi Cả	SV	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 21' 36"	106° 06' 43"					F-48-69-A-c
thôn Châu	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 23' 48"	106° 06' 29"					F-48-69-A-a
thôn Chợ	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 33"	106° 07' 23"					F-48-69-A-a
thôn Dinh Miễu	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 23' 45"	106° 05' 59"					F-48-69-A-a
cầu Đồng	KX	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 21' 14"	106° 06' 58"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Lời	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 24' 02"	106° 06' 41"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đức Hiệu	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 23' 12"	106° 05' 54"					F-48-69-A-a
thôn Hậu	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 50"	106° 06' 24"					F-48-69-A-a
núi Hin	SV	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 21' 43"	106° 07' 41"					F-48-69-A-d
thôn Na Gu	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 59"	106° 05' 55"					F-48-69-A-a
thôn Ngoài	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 23' 11"	106° 06' 17"					F-48-69-A-a
thôn Ngọc Yên Ngoài	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 24' 21"	106° 05' 43"					F-48-69-A-a
thôn Ngọc Yên Trong	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 07"	106° 06' 48"					F-48-69-A-c
thôn Nguộn B	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 37"	106° 06' 17"					F-48-69-A-a
thôn Thượng	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 15"	106° 07' 18"					F-48-69-A-c
thôn Tiền	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 50"	106° 06' 41"					F-48-69-A-a
thôn Trại	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 21' 25"	106° 07' 36"					F-48-69-A-d
thôn Trung	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 21' 59"	106° 07' 26"					F-48-69-A-c
thôn Trung Lương	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 26"	106° 06' 37"					F-48-69-A-c
thôn Vàng	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 22' 59"	106° 06' 45"					F-48-69-A-a
thôn Xuân Tân 2	DC	xã Cao Xá	H. Tân Yên	21° 23' 45"	106° 05' 37"					F-48-69-A-a
ngòi Yên	TV	xã Cao Xá	H. Tân Yên			21° 23' 12"	106° 05' 01"	21° 24' 01"	106° 05' 50"	F-48-69-A-a
thôn Bờ Vàng	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 25' 43"	106° 03' 02"					F-48-69-A-a
thôn Chè	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 25' 03"	106° 03' 19"					F-48-69-A-a
thôn Chợ Mới	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 25' 54"	106° 02' 44"					F-48-69-A-a
thôn Chúc	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 25' 30"	106° 03' 02"					F-48-69-A-a
thôn Đọ 1	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 25' 57"	106° 03' 10"					F-48-69-A-a
thôn Đồi Thông	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 26' 19"	106° 02' 51"					F-48-69-A-a
thôn Đồi Giàng	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 25' 43"	106° 02' 52"					F-48-69-A-a
thôn Ngò	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 25' 03"	106° 03' 37"					F-48-69-A-a
thôn Phú Thành	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 26' 30"	106° 03' 08"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quang Lâm	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 26' 04"	106° 03' 24"					F-48-69-A-a
thôn Tân Chính	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 26' 24"	106° 02' 38"					F-48-69-A-a
thôn Vàng	DC	xã Đại Hóa	H. Tân Yên	21° 25' 32"	106° 03' 29"					F-48-69-A-a
xứ đồng Bờ Thơ	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 23' 53"	106° 08' 40"					F-48-69-A-b
thôn Cửa Sông	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 25' 16"	106° 10' 08"					F-48-69-A-b
cụm Đất Đỏ	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 23' 51"	106° 09' 02"					F-48-69-A-b
thôn Hòa An	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 24' 13"	106° 09' 40"					F-48-69-A-b
thôn Hòa Minh	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 24' 21"	106° 08' 58"					F-48-69-A-b
thôn Lò Nồi	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 24' 40"	106° 09' 53"					F-48-69-A-b
thôn Lục Liễu Dưới	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 23' 44"	106° 09' 50"					F-48-69-A-b
thôn Quất	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 23' 17"	106° 09' 22"					F-48-69-A-b
thôn Tân Hòa	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 23' 17"	106° 08' 44"					F-48-69-A-b
sông Thương	TV	xã Hợp Đức	H. Tân Yên			21° 25' 25"	106° 10' 34"	21° 23' 07"	106° 10' 26"	F-48-69-A-b
thôn Tiến Sơn Tây	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 22' 59"	106° 10' 00"					F-48-69-A-b
thôn Trung	DC	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 23' 23"	106° 09' 10"					F-48-69-A-b
bến Tuần	KX	xã Hợp Đức	H. Tân Yên	21° 23' 47"	106° 10' 14"					F-48-69-A-b
thôn An Liễu	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 36"	106° 03' 05"					F-48-69-A-a
thôn Bài Giữa	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 23' 52"	106° 03' 49"					F-48-69-A-a
thôn Chản	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 14"	106° 03' 08"					F-48-69-A-a
thôn Chung 1	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 23' 50"	106° 02' 50"					F-48-69-A-a
thôn Đông Thành	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 08"	106° 03' 48"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Thờm	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 23' 57"	106° 02' 16"					F-48-69-A-a
thôn Đông Vàng	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 23' 54"	106° 03' 31"					F-48-69-A-a
thôn Kép 1	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 13"	106° 02' 29"					F-48-69-A-a
thôn Kép Vàng	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 23' 56"	106° 03' 12"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lam Sơn	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 01"	106° 01' 40"					F-48-69-A-a
thôn Me Điền	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 25"	106° 02' 38"					F-48-69-A-a
thôn Ngo 1	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 22"	106° 01' 57"					F-48-69-A-a
thôn Tân An	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 39"	106° 03' 53"					F-48-69-A-a
thôn Vân Chung	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 29"	106° 03' 34"					F-48-69-A-a
thôn Vân Thành	DC	xã Lam Cốt	H. Tân Yên	21° 24' 26"	106° 03' 00"					F-48-69-A-a
thôn Bãi Trại	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 27' 10"	106° 03' 21"					F-48-69-A-a
thôn Bình Lê	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 27' 11"	106° 03' 46"					F-48-69-A-a
thôn Bình Định	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 26' 50"	106° 03' 09"					F-48-69-A-a
thôn Chính Lan	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 26' 49"	106° 04' 10"					F-48-69-A-a
thôn Chính Thễ	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 27' 16"	106° 03' 14"					F-48-69-A-a
thôn Đá Ong	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 27' 41"	106° 03' 06"					F-48-69-A-a
thôn Đồn Hậu	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 27' 02"	106° 03' 00"					F-48-69-A-a
núi Hố Sung	SV	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 28' 07"	106° 03' 08"					F-48-69-A-a
thôn Ngòi Lan	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 26' 58"	106° 04' 21"					F-48-69-A-a
núi Non Đỏ	SV	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 27' 40"	106° 03' 21"					F-48-69-A-a
thôn Phố Thễ	DC	xã Lan Giới	H. Tân Yên	21° 26' 49"	106° 03' 24"					F-48-69-A-a
thôn Bến	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 22' 32"	106° 10' 37"					F-48-69-A-b
núi Dành	SV	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 21' 31"	106° 10' 01"					F-48-69-A-d
thôn Hậu	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 22' 08"	106° 10' 02"					F-48-69-A-d
thôn Hương	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 22' 03"	106° 09' 12"					F-48-69-A-d
thôn Lãn Tranh 1	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 21' 39"	106° 10' 52"					F-48-69-A-d
thôn Lãn Tranh 2	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 21' 15"	106° 10' 55"					F-48-69-A-d
thôn Lãn Tranh 3	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 21' 22"	106° 11' 07"					F-48-69-A-d
thôn Liên Bộ	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 20' 48"	106° 11' 11"					F-48-69-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sấu	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 22' 21"	106° 10' 29"					F-48-69-A-d
sông Thương	TV	xã Liên Chung	H. Tân Yên			21° 23' 07"	106° 10' 26"	21° 20' 08"	106° 11' 16"	F-48-69-A-d F-48-69-A-b
thôn Xuân Tiến	DC	xã Liên Chung	H. Tân Yên	21° 22' 32"	106° 09' 31"					F-48-69-A-b
đường tỉnh 398	KX	xã Liên Sơn	H. Tân Yên			21° 25' 49"	106° 05' 57"	21° 23' 46"	106° 07' 18"	F-48-69-A-a
thôn Chấn Sơn	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 49"	106° 07' 38"					F-48-69-A-b
thôn Chiềng	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 23' 53"	106° 07' 16"					F-48-69-A-a
thôn Chùa	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 24' 57"	106° 06' 53"					F-48-69-A-a
thôn Chung 2	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 24' 03"	106° 06' 53"					F-48-69-A-a
thôn Đình	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 24' 25"	106° 06' 25"					F-48-69-A-a
thôn Đồn	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 19"	106° 06' 13"					F-48-69-A-a
thôn Húng	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 24' 30"	106° 07' 05"					F-48-69-A-a
thôn Quân	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 10"	106° 06' 33"					F-48-69-A-a
thôn Thượng	DC	xã Liên Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 31"	106° 06' 00"					F-48-69-A-a
đường tỉnh 295	KX	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên			21° 22' 39"	106° 06' 07"	21° 21' 57"	106° 04' 08"	F-48-69-A-c
thôn Bằng Cục	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 23' 07"	106° 04' 05"					F-48-69-A-a
thôn Bình An	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 59"	106° 03' 45"					F-48-69-A-a
thôn Cầu Xi	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 10"	106° 05' 08"					F-48-69-A-c
thôn Châu Sơn	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 44"	106° 05' 21"					F-48-69-A-a
kênh Chính	TV	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên			21° 23' 02"	106° 03' 39"	21° 22' 02"	106° 04' 10"	F-48-69-A-c F-48-69-A-a
núi Đồn	SV	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 23' 16"	106° 04' 07"					F-48-69-A-a
thôn Khánh Giàng	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 41"	106° 05' 48"					F-48-69-A-a
Lâm Trường	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 40"	106° 04' 52"					F-48-69-A-a
thôn Ngọc Lợi	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 30"	106° 04' 27"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phú Thọ	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 14"	106° 04' 13"					F-48-69-A-c
thôn Quang Châu	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 23"	106° 04' 47"					F-48-69-A-c
thôn Tân Châu	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 06"	106° 04' 41"					F-48-69-A-c
thôn Tân Minh	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 40"	106° 04' 13"					F-48-69-A-a
thôn Tân Trung 1	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 23' 01"	106° 05' 35"					F-48-69-A-a
thôn Trung Đồng	DC	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 23' 14"	106° 04' 39"					F-48-69-A-a
cầu Xi	KX	xã Ngọc Châu	H. Tân Yên	21° 22' 22"	106° 05' 10"					F-48-69-A-c
thôn An Lập	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 07"	106° 07' 03"					F-48-69-A-c
thôn Ba Mô	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 12"	106° 07' 24"					F-48-69-A-c
ngòi Cầu Đồng	TV	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên			21° 21' 25"	106° 06' 05"	21° 21' 06"	106° 07' 39"	F-48-69-A-d F-48-69-A-c
thôn Cầu Đồng 9	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 21' 08"	106° 06' 45"					F-48-69-A-c
thôn Đồi Chùa	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 29"	106° 05' 55"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Lim	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 35"	106° 06' 49"					F-48-69-A-c
thôn Hàm Rồng	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 54"	106° 05' 34"					F-48-69-A-c
thôn Làng Đồng	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 57"	106° 07' 11"					F-48-69-A-c
thôn Lý 1	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 21' 00"	106° 06' 04"					F-48-69-A-c
trại giam Ngọc Lý	KX	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 45"	106° 07' 37"					F-48-69-A-d
thôn Sỏi Làng	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 19' 58"	106° 06' 11"					F-48-69-A-c
thôn Sỏi Máng	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 27"	106° 06' 06"					F-48-69-A-c
thôn Tân Lập	DC	xã Ngọc Lý	H. Tân Yên	21° 20' 29"	106° 07' 43"					F-48-69-A-d
thôn Chè	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 28"	106° 05' 33"					F-48-69-A-c
thôn Bỉ	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 24"	106° 04' 29"					F-48-69-A-c
thôn Cầu Yêu	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 50"	106° 04' 21"					F-48-69-A-c
kênh Chính	TV	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên			21° 22' 02"	106° 04' 10"	21° 19' 50"	106° 05' 55"	F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồi Giềng	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 55"	106° 04' 34"					F-48-69-A-c
thôn Đồi Mạ	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 02"	106° 04' 56"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Lầm	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 12"	106° 03' 19"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Phương	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 39"	106° 04' 48"					F-48-69-A-c
thôn Hàm Rồng	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 46"	106° 05' 28"					F-48-69-A-c
Hương Làng	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 15"	106° 05' 14"					F-48-69-A-c
Hương Trại	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 08"	106° 05' 35"					F-48-69-A-c
thôn Kim Xa	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 50"	106° 03' 21"					F-48-69-A-c
khu Lá Chè	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 16"	106° 05' 25"					F-48-69-A-c
khu La Đàng	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 57"	106° 05' 15"					F-48-69-A-c
thôn Mỗ	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 31"	106° 05' 05"					F-48-69-A-c
thôn Ngọc Lĩnh	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 43"	106° 04' 07"					F-48-69-A-c
làng Ngọc Nham	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 23"	106° 03' 45"					F-48-69-A-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 47"	106° 03' 41"					F-48-69-A-c
thôn Nội	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 48"	106° 04' 47"					F-48-69-A-c
thôn Núi Tán	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 00"	106° 05' 37"					F-48-69-A-c
làng Sẳn	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 02"	106° 05' 03"					F-48-69-A-c
thôn Tam Bình	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 20' 13"	106° 03' 59"					F-48-69-A-c
thôn Tam Hà 1	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên							
thôn Tam Hà 2	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên							
thôn Tân Lập 1	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 02"	106° 04' 41"					F-48-69-A-c
thôn Thọ Điền 1	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên							
thôn Thọ Điền 2	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên							
thôn Trại Rừng	DC	xã Ngọc Thiện	H. Tân Yên	21° 21' 46"	106° 05' 32"					F-48-69-A-c
đường tỉnh 295	KX	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên			21° 21' 37"	106° 03' 20"	21° 22' 05"	106° 01' 54"	F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cầu Đá	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 05"	106° 02' 57"					F-48-69-A-c
núi Dài	SV	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 20' 14"	106° 03' 06"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Bông	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 22' 18"	106° 02' 08"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Cạn	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 22' 10"	106° 02' 55"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Cờ	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 39"	106° 01' 43"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Gai	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 46"	106° 02' 28"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Khanh	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 13"	106° 02' 32"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Sùng	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 20' 26"	106° 02' 49"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Trống	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 28"	106° 02' 45"					F-48-69-A-c
thôn Hồ Chính	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 22' 27"	106° 02' 07"					F-48-69-A-c
thôn Hội Phú	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 17"	106° 01' 55"					F-48-69-A-c
thôn Hội Trên	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 37"	106° 02' 08"					F-48-69-A-c
thôn Hợp Tiến	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 46"	106° 03' 06"					F-48-69-A-c
thôn Làng Sài	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 21' 59"	106° 02' 45"					F-48-69-A-c
thôn Làng Thị	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 22' 05"	106° 02' 33"					F-48-69-A-c
thôn Lương Tâm	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 20' 34"	106° 02' 05"					F-48-69-A-c
Nghè Mẫn	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 20' 28"	106° 02' 29"					F-48-69-A-c
thôn Nghè Nội	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 22' 00"	106° 02' 01"					F-48-69-A-c
thôn Phú Cường	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 20' 59"	106° 02' 09"					F-48-69-A-c
thôn Suối Dài	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 22' 46"	106° 02' 09"					F-48-69-A-a
ngòi Thông Thốc	TV	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên			21° 21' 37"	106° 03' 20"	21° 20' 40"	106° 03' 13"	F-48-69-A-c
thôn Vân Ngò	DC	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên	21° 20' 54"	106° 02' 38"					F-48-69-A-c
ngòi Yên Hà	TV	xã Ngọc Vân	H. Tân Yên			21° 20' 42"	106° 01' 48"	21° 20' 26"	106° 03' 14"	F-48-69-A-c
thôn Đoàn Kết 1	DC	xã Nhã Nam	H. Tân Yên	21° 26' 56"	106° 05' 40"					F-48-69-A-a
thôn Phúc Thành	DC	xã Nhã Nam	H. Tân Yên	21° 26' 42"	106° 05' 00"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tiến Điều	DC	xã Nhã Nam	H. Tân Yên	21° 27' 08"	106° 05' 57"					F-48-69-A-a
thôn Tiến Phan 1	DC	xã Nhã Nam	H. Tân Yên	21° 26' 47"	106° 05' 53"					F-48-69-A-a
Tiến Thành	DC	xã Nhã Nam	H. Tân Yên	21° 27' 01"	106° 05' 17"					F-48-69-A-a
thôn Tiến Trại	DC	xã Nhã Nam	H. Tân Yên	21° 26' 51"	106° 05' 06"					F-48-69-A-a
thôn Cả Am	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 26"	106° 08' 03"					F-48-69-A-b
thôn Cạng	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 30"	106° 08' 43"					F-48-69-A-b
thôn Đìa	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 54"	106° 09' 18"					F-48-69-A-b
cụm Đồng Cộc	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 24' 37"	106° 09' 04"					F-48-69-A-b
thôn Hòa Làng	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 15"	106° 08' 21"					F-48-69-A-b
đồi Khu Luông	SV	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 35"	106° 09' 54"					F-48-69-A-b
thôn Lân Thịnh	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 24' 34"	106° 08' 18"					F-48-69-A-b
thôn Phúc Đình	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 16"	106° 08' 57"					F-48-69-A-b
thôn Phúc Lễ	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 21"	106° 09' 22"					F-48-69-A-b
thôn Quất Du 1	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 09"	106° 08' 34"					F-48-69-A-b
thôn Quất Du 2	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 24' 58"	106° 08' 37"					F-48-69-A-b
thôn Thái Hòa	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 24' 51"	106° 07' 52"					F-48-69-A-b
núi Trại	SV	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 24' 50"	106° 08' 57"					F-48-69-A-b
thôn Vối	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 25' 50"	106° 08' 26"					F-48-69-A-b
cụm Xa Tán	DC	xã Phúc Hòa	H. Tân Yên	21° 24' 23"	106° 08' 38"					F-48-69-A-b
đường tỉnh 297	KX	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên			21° 25' 26"	106° 02' 30"	21° 24' 29"	106° 02' 09"	F-48-69-A-a
thôn Cảm	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 57"	106° 01' 38"					F-48-69-A-a
thôn Chám	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 10"	106° 02' 29"					F-48-69-A-a
thôn Đài Sơn	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 51"	106° 02' 20"					F-48-69-A-a
thôn Khánh Châu	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 26' 13"	106° 02' 03"					F-48-69-A-a
thôn Long Vân	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 26' 02"	106° 02' 17"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Lữ Vân	KX	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 52"	106° 02' 07"					F-48-69-A-a
thôn Luông	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 12"	106° 02' 50"					F-48-69-A-a
thôn Lý Cốt	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 25"	106° 02' 19"					F-48-69-A-a
thôn Mai Hoàng	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 25' 39"	106° 01' 49"					F-48-69-A-a
thôn Tiền Sơn	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 24' 35"	106° 02' 14"					F-48-69-A-a
thôn Yên Lý	DC	xã Phúc Sơn	H. Tân Yên	21° 24' 58"	106° 02' 05"					F-48-69-A-a
thôn Cầu Đen	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 26' 09"	106° 04' 04"					F-48-69-A-a
thôn Cầu Trấn	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 26' 17"	106° 04' 24"					F-48-69-A-a
thôn Chính Trong	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 26' 13"	106° 04' 45"					F-48-69-A-a
thôn Công Thành	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 26' 39"	106° 04' 21"					F-48-69-A-a
cầu Đen 2	KX	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 26' 16"	106° 03' 55"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Đồi	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 25' 29"	106° 04' 00"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Sào 1	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 25' 13"	106° 03' 58"					F-48-69-A-a
thôn Minh Sinh	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 25' 59"	106° 04' 51"					F-48-69-A-a
thôn Non Dài	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 26' 32"	106° 03' 47"					F-48-69-A-a
thôn Sậu 2	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 26' 15"	106° 03' 38"					F-48-69-A-a
thôn Tân Lập	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 25' 39"	106° 04' 20"					F-48-69-A-a
thôn Thành Lập	DC	xã Quang Tiến	H. Tân Yên	21° 26' 07"	106° 04' 27"					F-48-69-A-a
đường tỉnh 398	KX	xã Quế Nham	H. Tân Yên			21° 19' 25"	106° 08' 51"	21° 18' 45"	106° 09' 33"	F-48-69-A-d
thôn Ba Làng	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 22"	106° 09' 58"					F-48-69-A-d
thôn Bình Minh	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 18"	106° 09' 26"					F-48-69-A-d
Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự	KX	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 12"	106° 09' 21"					F-48-69-A-d
xóm Điếm Tổng	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 17"	106° 09' 08"					F-48-69-A-d
thôn Đông Bến	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 47"	106° 10' 13"					F-48-69-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông La	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 58"	106° 09' 43"					F-48-69-A-d
xóm Khê Hạ	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 23"	106° 10' 16"					F-48-69-A-d
xóm Khê Thượng	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 35"	106° 10' 04"					F-48-69-A-d
thôn Ngọc Trì	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 51"	106° 09' 00"					F-48-69-A-d
thôn Núi	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 18' 58"	106° 10' 24"					F-48-69-A-d
thôn Phú Khê	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 20' 11"	106° 10' 38"					F-48-69-A-d
ngòi Phú Khê	TV	xã Quế Nham	H. Tân Yên			21° 19' 50"	106° 08' 40"	21° 20' 08"	106° 11' 16"	F-48-69-A-d
sông Thương	TV	xã Quế Nham	H. Tân Yên			21° 20' 08"	106° 11' 16"	21° 19' 19"	106° 10' 50"	F-48-69-A-d
thôn Tiền Đình	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 19' 45"	106° 09' 16"					F-48-69-A-d
xóm Trại Chuối	DC	xã Quế Nham	H. Tân Yên	21° 20' 06"	106° 09' 39"					F-48-69-A-d
thôn Bùi	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 22' 52"	106° 03' 29"					F-48-69-A-a
thôn Châu	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 23' 38"	106° 02' 32"					F-48-69-A-a
ngòi Đình Vồng	TV	xã Song Vân	H. Tân Yên			21° 22' 54"	106° 02' 18"	21° 21' 37"	106° 03' 20"	F-48-69-A-c F-48-69-A-a
thôn Đồng Kim	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 22' 02"	106° 04' 03"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Lai	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 23' 08"	106° 03' 02"					F-48-69-A-a
thôn Giếng	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 22' 56"	106° 03' 00"					F-48-69-A-a
thôn Hoàng Vân	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 22' 19"	106° 03' 27"					F-48-69-A-c
thôn Hồng Phúc	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 23' 29"	106° 02' 55"					F-48-69-A-a
thôn Kỳ Sơn	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 22' 35"	106° 03' 41"					F-48-69-A-a
thôn Ngò	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 22' 33"	106° 03' 02"					F-48-69-A-a
thôn Tân Lập	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 23' 14"	106° 02' 24"					F-48-69-A-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 21' 48"	106° 03' 45"					F-48-69-A-c
thôn Tè	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 22' 50"	106° 02' 36"					F-48-69-A-a
thôn Trung Tiến	DC	xã Song Vân	H. Tân Yên	21° 22' 03"	106° 03' 41"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 294	KX	xã Tân Trung	H. Tân Yên			21° 26' 29"	106° 08' 44"	21° 26' 40"	106° 06' 16"	F-48-69-A-a
thôn Ân Trù	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 18"	106° 07' 44"					F-48-69-A-b
thôn Cao Kiên	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 25' 55"	106° 06' 12"					F-48-69-A-a
thôn Chấu	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 21"	106° 07' 02"					F-48-69-A-a
thôn Đanh	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 45"	106° 07' 03"					F-48-69-A-a
cầu Đen	KX	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 29"	106° 08' 44"					F-48-69-A-b
thôn Đình Hả	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 12"	106° 06' 52"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Điều 7	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 49"	106° 06' 57"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Điều 8	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 58"	106° 06' 36"					F-48-69-A-a
thôn Gia Tiến	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 25' 36"	106° 06' 33"					F-48-69-A-a
thôn Giữa	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 28"	106° 08' 24"					F-48-69-A-b
thôn Lục Hạ	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 20"	106° 07' 21"					F-48-69-A-a
thôn Ngoài	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 27"	106° 08' 05"					F-48-69-A-b
thôn Quyên	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 34"	106° 07' 02"					F-48-69-A-a
thôn Sậy	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 25' 57"	106° 06' 53"					F-48-69-A-a
thôn Tân Long	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 03"	106° 07' 25"					F-48-69-A-a
thôn Tân Lập	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 37"	106° 08' 04"					F-48-69-A-b
thôn Thị	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 25' 46"	106° 07' 12"					F-48-69-A-a
thôn Trong	DC	xã Tân Trung	H. Tân Yên	21° 26' 14"	106° 08' 18"					F-48-69-A-b
thôn Cầu Cần	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 21' 30"	106° 08' 12"					F-48-69-A-d
ngòi Cầu Đồng	TV	xã Việt Lập	H. Tân Yên			21° 21' 06"	106° 07' 39"	21° 19' 50"	106° 08' 40"	F-48-69-A-d
thôn Đông Am Vàng	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 20' 52"	106° 08' 53"					F-48-69-A-d
thôn Đông Khoát	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 21' 14"	106° 08' 30"					F-48-69-A-d
thôn Đồng Sen	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 20' 56"	106° 10' 04"					F-48-69-A-d
thôn Hàng Cơm	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 21' 14"	106° 08' 06"					F-48-69-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kim Tràng	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 20' 37"	106° 08' 10"					F-48-69-A-d
thôn Lý	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 21' 53"	106° 07' 57"					F-48-69-A-d
thôn Ngọc Trại	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 20' 08"	106° 08' 38"					F-48-69-A-d
thôn Nguyễn	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 21' 02"	106° 09' 07"					F-48-69-A-d
thôn Nội Hạc	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 22' 38"	106° 08' 20"					F-48-69-A-b
cầu Quận	KX	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 20' 14"	106° 08' 05"					F-48-69-A-d
thôn Trong Giữa	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 22' 20"	106° 08' 22"					F-48-69-A-d
Trường Trung cấp Biên phòng I	KX	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 20' 35"	106° 08' 40"					F-48-69-A-d
thôn Um Ngò	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 21' 16"	106° 09' 14"					F-48-69-A-d
thôn Văn Miếu	DC	xã Việt Lập	H. Tân Yên	21° 22' 15"	106° 07' 54"					F-48-69-A-d
đường tỉnh 295	KX	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên			21° 22' 05"	106° 01' 54"	21° 22' 22"	106° 00' 17"	F-48-69-A-c
thôn An Lạc 1	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 23' 45"	106° 00' 49"					F-48-69-A-a
thôn Cầu Trại 1	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 22' 40"	106° 00' 51"					F-48-69-A-a
thôn Chính	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 22' 19"	106° 01' 14"					F-48-69-A-c
thôn Đồng	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 22' 28"	106° 00' 22"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Xứng	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 21' 44"	106° 00' 57"					F-48-69-A-c
thôn Hàng Gia	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 22' 08"	106° 00' 40"					F-48-69-A-c
thôn Nành	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 22' 14"	106° 01' 38"					F-48-69-A-c
thôn Ngõ Đá	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 22' 12"	106° 00' 56"					F-48-69-A-c
thôn Phú Thọ 1	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 23' 59"	106° 00' 49"					F-48-69-A-a
thôn Phú Thọ 2	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 23' 22"	106° 00' 54"					F-48-69-A-a
thôn Tân An	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 22' 45"	106° 01' 44"					F-48-69-A-a
thôn Thể Hội	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 22' 34"	106° 01' 18"					F-48-69-A-a
thôn Việt Hùng 1	DC	xã Việt Ngọc	H. Tân Yên	21° 23' 25"	106° 01' 42"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Dục Quang	DC	TT. Bích Động	H. Việt Yên	21° 16' 21"	106° 06' 34"					F-48-69-A-c
thôn Đông	DC	TT. Bích Động	H. Việt Yên	21° 16' 59"	106° 06' 22"					F-48-69-A-c
thôn Trung	DC	TT. Bích Động	H. Việt Yên	21° 16' 34"	106° 06' 07"					F-48-69-A-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Nếnh	H. Việt Yên			21° 14' 11"	106° 05' 53"	21° 14' 33"	106° 05' 53"	F-48-69-C-a
xóm Lạc Sơn	DC	TT. Nếnh	H. Việt Yên	21° 13' 46"	106° 05' 40"					F-48-69-C-a
thôn Ninh Khánh	DC	TT. Nếnh	H. Việt Yên	21° 14' 17"	106° 06' 16"					F-48-69-C-a
thôn Sen Hồ	DC	TT. Nếnh	H. Việt Yên	21° 14' 25"	106° 05' 44"					F-48-69-C-a
thôn Yên Ninh	DC	TT. Nếnh	H. Việt Yên	21° 14' 33"	106° 06' 18"					F-48-69-C-a
quốc lộ 37	KX	xã Bích Sơn	H. Việt Yên			21° 15' 28"	106° 05' 56"	21° 17' 54"	106° 06' 21"	F-48-69-A-c
thôn Đồn Lương	DC	xã Bích Sơn	H. Việt Yên	21° 17' 14"	106° 05' 44"					F-48-69-A-c
thôn Kiểu	DC	xã Bích Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 52"	106° 05' 10"					F-48-69-A-c
thôn Tăng Quang	DC	xã Bích Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 42"	106° 06' 07"					F-48-69-A-c
thôn Thượng	DC	xã Bích Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 16"	106° 05' 42"					F-48-69-A-c
thôn Tự	DC	xã Bích Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 36"	106° 05' 20"					F-48-69-A-c
thôn Văn Xá	DC	xã Bích Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 07"	106° 04' 54"					F-48-69-A-c
thôn Vàng	DC	xã Bích Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 56"	106° 05' 03"					F-48-69-A-c
thôn Hoàng Mai	DC	xã Hoàng Ninh	H. Việt Yên	21° 15' 08"	106° 06' 58"					F-48-69-A-c
thôn My Điền	DC	xã Hoàng Ninh	H. Việt Yên	21° 15' 14"	106° 07' 56"					F-48-69-A-d
thôn Phúc Lâm	DC	xã Hoàng Ninh	H. Việt Yên	21° 14' 55"	106° 06' 04"					F-48-69-C-a
đường tỉnh 295	KX	xã Hồng Thái	H. Việt Yên			21° 16' 29"	106° 08' 19"	21° 15' 23"	106° 06' 25"	F-48-69-A-d F-48-69-A-c
xóm Bùng	DC	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 16' 10"	106° 07' 00"					F-48-69-A-c
xóm Chùa	DC	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 15' 39"	106° 06' 51"					F-48-69-A-c
thôn Đức Liễn	DC	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 15' 56"	106° 08' 13"					F-48-69-A-d
xóm Giữa	DC	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 16' 00"	106° 06' 49"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nguộn	DC	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 15' 52"	106° 07' 02"					F-48-69-A-c
thôn Như Thiết	DC	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 16' 37"	106° 07' 19"					F-48-69-A-c
xóm Sến	DC	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 16' 02"	106° 07' 16"					F-48-69-A-c
Công ty Trách nhiệm hữu hạn JMC Việt Nam	KX	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 16' 28"	106° 08' 14"					F-48-69-A-d
xóm Tray	DC	xã Hồng Thái	H. Việt Yên	21° 16' 10"	106° 07' 30"					F-48-69-A-d
xóm Đầu Khẩu	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 17' 06"	106° 02' 34"					F-48-69-A-c
thôn Đống Mối	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 16' 39"	106° 03' 43"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Sơn	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 16' 59"	106° 03' 10"					F-48-69-A-c
thôn Mai Hạ	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 18' 03"	106° 02' 06"					F-48-69-A-c
thôn Mai Thượng 1	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 18' 31"	106° 02' 06"					F-48-69-A-c
thôn Tam Hợp	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 17' 16"	106° 02' 40"					F-48-69-A-c
thôn Xuân Bầu	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 17' 13"	106° 01' 57"					F-48-69-A-c
thôn Xuân Lạn	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 17' 41"	106° 02' 50"					F-48-69-A-c
thôn Xuân Minh	DC	xã Hương Mai	H. Việt Yên	21° 16' 54"	106° 02' 49"					F-48-69-A-c
thôn Bãi Bằng	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 19' 05"	106° 06' 16"					F-48-69-A-c
thôn Bình Minh	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 19' 01"	106° 07' 45"					F-48-69-A-d
thôn Cầu	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 18' 36"	106° 07' 01"					F-48-69-A-c
ngòi Cầu Sim	TV	xã Minh Đức	H. Việt Yên			21° 18' 21"	106° 04' 53"	21° 17' 17"	106° 06' 58"	F-48-69-A-c
thôn Chùa	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 18' 26"	106° 07' 15"					F-48-69-A-c
thôn Đanh	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 19' 20"	106° 07' 06"					F-48-69-A-c
thôn Đức Thắng	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 18' 31"	106° 07' 51"					F-48-69-A-d
thôn Hậu	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 18' 59"	106° 07' 09"					F-48-69-A-c
thôn Kè	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 19' 23"	106° 06' 17"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Kẹm	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 18' 45"	106° 06' 47"					F-48-69-A-c
thôn Mỏ Thổ	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 19' 08"	106° 05' 37"					F-48-69-A-c
thôn Ngân Đài	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 18' 15"	106° 06' 12"					F-48-69-A-c
thôn Ngân Sơn	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 18' 43"	106° 06' 36"					F-48-69-A-c
thôn Nghĩa Thượng	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 19' 32"	106° 07' 13"					F-48-69-A-c
thôn Rèn	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 19' 06"	106° 07' 20"					F-48-69-A-c
thôn Thiết Nham	DC	xã Minh Đức	H. Việt Yên	21° 18' 07"	106° 07' 15"					F-48-69-A-c
ngòi Cầu Sim	TV	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên			21° 17' 17"	106° 06' 58"	21° 16' 45"	106° 08' 34"	F-48-69-A-c F-48-69-A-d
Đống Mối	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 16' 55"	106° 07' 53"					F-48-69-A-d
thôn Lai	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 18' 56"	106° 07' 59"					F-48-69-A-d
thôn Me	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 17' 22"	106° 07' 45"					F-48-69-A-d
thôn Nghĩa Vũ	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 19' 28"	106° 08' 29"					F-48-69-A-d
thôn Nghĩa Xuân	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 18' 15"	106° 09' 23"					F-48-69-A-d
thôn Nghinh Xuân	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 17' 14"	106° 08' 32"					F-48-69-A-d
thôn Tĩnh Lộc	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 19' 08"	106° 08' 34"					F-48-69-A-d
làng Trại	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 19' 42"	106° 07' 58"					F-48-69-A-d
thôn Trại Ổi 1	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 18' 07"	106° 08' 37"					F-48-69-A-d
thôn Trại Đồng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 17' 30"	106° 08' 35"					F-48-69-A-d
thôn Trại Dược	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 18' 22"	106° 08' 33"					F-48-69-A-d
thôn Trung	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 19' 47"	106° 07' 38"					F-48-69-A-d
thôn Yên Sơn	DC	xã Nghĩa Trung	H. Việt Yên	21° 17' 40"	106° 07' 46"					F-48-69-A-d
thôn Cao Lôi	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 10"	106° 04' 32"					F-48-69-A-c
xóm Cao Sơn	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 55"	106° 03' 58"					F-48-69-C-a
khu Đống Mối	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 42"	106° 03' 47"					F-48-69-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Giá Sơn	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 13' 26"	106° 05' 08"					F-48-69-C-a
thôn Hữu Nghi	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 13' 18"	106° 04' 22"					F-48-69-C-a
núi Kẻ	SV	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 13' 36"	106° 05' 10"					F-48-69-C-a
thôn Mai Vũ	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 29"	106° 04' 56"					F-48-69-C-a
thôn Ninh Động	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 37"	106° 04' 34"					F-48-69-C-a
thôn Nội Ninh	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 01"	106° 04' 50"					F-48-69-C-a
thôn Phúc Ninh	DC	xã Ninh Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 16"	106° 04' 51"					F-48-69-C-a
xóm Cả	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 13' 06"	106° 05' 34"					F-48-69-C-a
sông Cầu	TV	xã Quang Châu	H. Việt Yên			21° 12' 59"	106° 05' 06"	21° 12' 57"	106° 07' 33"	F-48-69-C-a F-48-69-C-b
xóm Chùa	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 13' 11"	106° 05' 54"					F-48-69-C-a
xóm Chung	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 12' 40"	106° 05' 12"					F-48-69-C-a
thôn Đông Tiến	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 12' 23"	106° 06' 00"					F-48-69-C-a
xóm Lẻ	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 12' 58"	106° 05' 35"					F-48-69-C-a
thôn Nam Ngạn	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 12' 26"	106° 05' 29"					F-48-69-C-a
thôn Núi Hiểu	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 13' 25"	106° 06' 20"					F-48-69-C-a
thôn Quang Biểu	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 12' 23"	106° 07' 11"					F-48-69-C-a
thôn Tam Tầng	DC	xã Quang Châu	H. Việt Yên	21° 13' 21"	106° 05' 47"					F-48-69-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Minh	H. Việt Yên			21° 14' 11"	106° 05' 53"	21° 13' 29"	106° 05' 54"	F-48-69-C-a
xóm Bãi	DC	xã Quảng Minh	H. Việt Yên	21° 14' 33"	106° 05' 32"					F-48-69-C-a
thôn Đình Cả	DC	xã Quảng Minh	H. Việt Yên	21° 14' 00"	106° 05' 16"					F-48-69-C-a
thôn Đông Long	DC	xã Quảng Minh	H. Việt Yên	21° 14' 18"	106° 05' 32"					F-48-69-C-a
núi Kẻ	SV	xã Quảng Minh	H. Việt Yên	21° 13' 36"	106° 05' 10"					F-48-69-C-a
thôn Khả Lý Hạ	DC	xã Quảng Minh	H. Việt Yên	21° 15' 26"	106° 05' 44"					F-48-69-A-c
thôn Khả Lý Thượng	DC	xã Quảng Minh	H. Việt Yên	21° 15' 38"	106° 05' 09"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Long	DC	xã Quảng Minh	H. Việt Yên	21° 14' 59"	106° 05' 15"					F-48-69-C-a
xóm Núi	DC	xã Quảng Minh	H. Việt Yên	21° 15' 41"	106° 04' 31"					F-48-69-A-c
thôn Bẩy	DC	xã Tăng Tiến	H. Việt Yên	21° 15' 32"	106° 09' 25"					F-48-69-A-d
thôn Phúc Long	DC	xã Tăng Tiến	H. Việt Yên	21° 15' 21"	106° 09' 06"					F-48-69-A-d
thôn Thượng Phúc	DC	xã Tăng Tiến	H. Việt Yên	21° 16' 01"	106° 08' 34"					F-48-69-A-d
thôn Chằm	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 19' 03"	106° 04' 46"					F-48-69-A-c
ấp Đồng Cống	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 19' 44"	106° 03' 44"					F-48-69-A-c
thôn Hạ	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 18' 51"	106° 04' 00"					F-48-69-A-c
thôn Hà Thượng	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 19' 60"	106° 03' 42"					F-48-69-A-c
thôn Kim Sơn	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 20' 29"	106° 03' 34"					F-48-69-A-c
thôn Nguộn	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 19' 27"	106° 04' 58"					F-48-69-A-c
trại Núi Tán	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 19' 54"	106° 05' 01"					F-48-69-A-c
thôn Ruồng	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 19' 30"	106° 04' 39"					F-48-69-A-c
trại Thổ Còng	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 20' 09"	106° 04' 29"					F-48-69-A-c
thôn Thượng	DC	xã Thượng Lan	H. Việt Yên	21° 19' 19"	106° 04' 27"					F-48-69-A-c
xóm Bãi	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 34"	106° 01' 24"					F-48-69-A-c
chùa Bổ	KX	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 36"	106° 03' 02"					F-48-69-C-a
sông Cầu	TV	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên			21° 15' 32"	106° 00' 07"	21° 13' 29"	106° 03' 55"	F-48-69-A-c F-48-69-C-a
thôn Hạ Lát	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 29"	106° 02' 19"					F-48-69-C-a
thôn Kim Sơn	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 03"	106° 03' 39"					F-48-69-C-a
thôn Kim Viên	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 51"	106° 01' 28"					F-48-69-A-c
thôn Lương Tài	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 50"	106° 01' 04"					F-48-69-A-c
thôn Thượng Lát	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 28"	106° 03' 17"					F-48-69-C-a
xóm Trại Cháy	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 13"	106° 02' 56"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trúc Đồng	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 22"	106° 02' 01"					F-48-69-A-c
xóm Trúc Lập	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 09"	106° 02' 23"					F-48-69-A-c
xóm Trúc Núi	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 14' 59"	106° 02' 07"					F-48-69-C-a
xóm Trúc Trại	DC	xã Tiên Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 01"	106° 03' 08"					F-48-69-A-c
thôn Ải Quang	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 08"	106° 04' 35"					F-48-69-A-c
thôn Dương Huy	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 33"	106° 04' 09"					F-48-69-A-c
thôn Đồng	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 31"	106° 02' 30"					F-48-69-A-c
xóm Đồng Ích	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 17' 07"	106° 04' 03"					F-48-69-A-c
thôn Minh Sơn	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 17"	106° 03' 36"					F-48-69-A-c
thôn Nguyễn	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 26"	106° 02' 10"					F-48-69-A-c
thôn Núi	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 15' 51"	106° 04' 06"					F-48-69-A-c
thôn Quả	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 01"	106° 02' 03"					F-48-69-A-c
thôn Sơn Hải	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 04"	106° 03' 39"					F-48-69-A-c
thôn Sơn Quang	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 46"	106° 04' 10"					F-48-69-A-c
thôn Tân Sơn	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 29"	106° 03' 41"					F-48-69-A-c
núi Thon	SV	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 07"	106° 04' 03"					F-48-69-A-c
xóm Vân Sơn	DC	xã Trung Sơn	H. Việt Yên	21° 16' 00"	106° 02' 35"					F-48-69-A-c
quốc lộ 37	KX	xã Tự Lạn	H. Việt Yên			21° 18' 03"	106° 03' 09"	21° 17' 05"	106° 04' 50"	F-48-69-A-c
thôn Đầu	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 18' 17"	106° 03' 35"					F-48-69-A-c
thôn Đồng Niên	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 17' 22"	106° 04' 47"					F-48-69-A-c
thôn Lửa Hồng	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 17' 50"	106° 05' 31"					F-48-69-A-c
thôn Nguộn	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 17' 40"	106° 04' 25"					F-48-69-A-c
thôn Nội Duệ	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 18' 13"	106° 04' 24"					F-48-69-A-c
thôn Quế Võ	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 18' 01"	106° 04' 18"					F-48-69-A-c
thôn Râm	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 17' 47"	106° 05' 04"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Rãnh	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 17' 47"	106° 03' 16"					F-48-69-A-c
thôn Tân Lập	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 18' 00"	106° 04' 59"					F-48-69-A-c
thôn Xuân Tiến	DC	xã Tự Lạn	H. Việt Yên	21° 17' 14"	106° 04' 27"					F-48-69-A-c
sông Cầu	TV	xã Vân Hà	H. Việt Yên			21° 13' 47"	106° 01' 59"	21° 13' 28"	106° 02' 48"	F-48-69-C-a
thôn Thổ Hà	DC	xã Vân Hà	H. Việt Yên	21° 12' 16"	106° 02' 23"					F-48-69-C-a
thôn Yên Viên	DC	xã Vân Hà	H. Việt Yên	21° 13' 02"	106° 02' 05"					F-48-69-C-a
xóm 1	DC	xã Vân Trung	H. Việt Yên	21° 13' 56"	106° 07' 48"					F-48-69-C-b
núi Bài	SV	xã Vân Trung	H. Việt Yên	21° 13' 52"	106° 08' 35"					F-48-69-C-b
thôn Bài Xanh	DC	xã Vân Trung	H. Việt Yên	21° 13' 32"	106° 08' 11"					F-48-69-C-b
núi Gốm	SV	xã Vân Trung	H. Việt Yên	21° 14' 01"	106° 08' 13"					F-48-69-C-b
suối Tóp	TV	xã Vân Trung	H. Việt Yên			21° 13' 26"	106° 08' 29"	21° 13' 29"	106° 08' 51"	F-48-69-C-b
thôn Trúc Tay	DC	xã Vân Trung	H. Việt Yên	21° 13' 19"	106° 08' 09"					F-48-69-C-b
thôn Trung Đồng	DC	xã Vân Trung	H. Việt Yên	21° 13' 37"	106° 07' 35"					F-48-69-C-b
thôn Vân Cốc 1	DC	xã Vân Trung	H. Việt Yên							
thôn Vân Cốc 2	DC	xã Vân Trung	H. Việt Yên							
thôn Vân Cốc 3	DC	xã Vân Trung	H. Việt Yên							
thôn Vân Cốc 4	DC	xã Vân Trung	H. Việt Yên							
núi Yên Xá	SV	xã Vân Trung	H. Việt Yên	21° 13' 03"	106° 08' 46"					F-48-69-C-b
núi Ba Cây	SV	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 20' 14"	106° 03' 06"					F-48-69-A-c
núi Cao	SV	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 20' 16"	106° 02' 08"					F-48-69-A-c
thôn Chàng	DC	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 19' 06"	106° 02' 20"					F-48-69-A-c
xóm Dưới	DC	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 18' 03"	106° 02' 53"					F-48-69-A-c
xóm Giữa	DC	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 18' 10"	106° 02' 46"					F-48-69-A-c
thôn Hà	DC	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 18' 32"	106° 02' 35"					F-48-69-A-c
thôn Kép	DC	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 19' 30"	106° 01' 41"					F-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Lá Má	DC	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 20' 08"	106° 02' 45"					F-48-69-A-c
thôn Núi	DC	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 19' 44"	106° 02' 09"					F-48-69-A-c
ấp Vân Sơn	DC	xã Việt Tiến	H. Việt Yên	21° 20' 09"	106° 01' 55"					F-48-69-A-c
đường tỉnh 398	KX	TT. Neo	H. Yên Dũng			21° 12' 08"	106° 14' 49"	21° 12' 01"	106° 13' 53"	F-48-69-C-b
Bến Đám	DC	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 13' 18"	106° 15' 11"					F-48-69-D-a
cầu Bến Đám	KX	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 13' 21"	106° 14' 48"					F-48-69-C-b
tiểu khu 1	DC	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 12' 08"	106° 13' 58"					F-48-69-C-b
chợ Neo	KX	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 11' 57"	106° 14' 37"					F-48-69-C-b
núi Nham Biền	SV	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 13' 04"	106° 14' 11"					F-48-69-C-b
Phấn Lôi Đồng	DC	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 11' 28"	106° 14' 11"					F-48-69-C-b
cầu Tiểu khu 2	KX	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 11' 56"	106° 14' 23"					F-48-69-C-b
tiểu khu 5	DC	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 12' 32"	106° 14' 47"					F-48-69-C-b
tiểu khu 6	DC	TT. Neo	H. Yên Dũng	21° 13' 15"	106° 14' 48"					F-48-69-C-b
thôn Hương	DC	TT. Tân Dân	H. Yên Dũng	21° 16' 04"	106° 15' 53"					F-48-69-B-c
thôn Khôi	DC	TT. Tân Dân	H. Yên Dũng	21° 16' 09"	106° 15' 19"					F-48-69-B-c
thôn Long Trì	DC	TT. Tân Dân	H. Yên Dũng	21° 15' 43"	106° 15' 57"					F-48-69-B-c
phố Tân An	DC	TT. Tân Dân	H. Yên Dũng	21° 16' 09"	106° 15' 57"					F-48-69-B-c
thôn Thượng	DC	TT. Tân Dân	H. Yên Dũng	21° 16' 42"	106° 15' 47"					F-48-69-B-c
đường tỉnh 398	KX	xã Cảnh Thụy	H. Yên Dũng			21° 11' 17"	106° 16' 23"	21° 11' 44"	106° 15' 00"	F-48-69-D-a
thôn Biền Đông	DC	xã Cảnh Thụy	H. Yên Dũng	21° 12' 33"	106° 15' 10"					F-48-69-D-a
thôn Dưới	DC	xã Cảnh Thụy	H. Yên Dũng	21° 12' 03"	106° 15' 26"					F-48-69-D-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Cảnh Thụy	H. Yên Dũng	21° 11' 12"	106° 15' 56"					F-48-69-D-a
thôn Tây	DC	xã Cảnh Thụy	H. Yên Dũng	21° 11' 41"	106° 15' 26"					F-48-69-D-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 08' 37"	106° 17' 46"					F-48-69-D-a
thôn Cao Đồng	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 09' 06"	106° 17' 23"					F-48-69-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cầu	TV	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng			21° 08' 42"	106° 15' 56"	21° 07' 24"	106° 17' 51"	F-48-69-D-a F-48-69-D-c
núi Cổ Pháp	SV	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 08' 36"	106° 16' 25"					F-48-69-D-a
thôn Cựu Dưới	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 08' 12"	106° 17' 00"					F-48-69-D-a
thôn Cựu Trên	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 08' 26"	106° 17' 15"					F-48-69-D-a
thôn Đồng Nhân	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 09' 20"	106° 16' 42"					F-48-69-D-a
thôn Hạ Làng	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 08' 35"	106° 18' 00"					F-48-69-D-a
thôn Hoàng Phúc	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 08' 34"	106° 16' 20"					F-48-69-D-a
thôn Nam Sơn	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 08' 15"	106° 17' 51"					F-48-69-D-a
thôn Việt Thắng	DC	xã Đồng Phúc	H. Yên Dũng	21° 09' 42"	106° 17' 10"					F-48-69-D-a
thôn Bắc	DC	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 10' 29"	106° 18' 13"					F-48-69-D-a
thôn Bè	DC	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 09' 27"	106° 18' 47"					F-48-69-D-a
thôn Bến	DC	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 09' 45"	106° 18' 45"					F-48-69-D-a
núi Cả	SV	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 09' 56"	106° 17' 44"					F-48-69-D-a
phà Đồng Việt	KX	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 09' 45"	106° 19' 04"					F-48-69-D-a
thôn Kim Trung	DC	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 09' 43"	106° 18' 16"					F-48-69-D-a
thôn Nam	DC	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 09' 57"	106° 18' 19"					F-48-69-D-a
sông Thương	TV	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng			21° 10' 45"	106° 18' 30"	21° 07' 55"	106° 18' 42"	F-48-69-D-a
thôn Thượng	DC	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 09' 31"	106° 18' 58"					F-48-69-D-a
thôn Trung	DC	xã Đồng Việt	H. Yên Dũng	21° 09' 41"	106° 18' 33"					F-48-69-D-a
thôn Bến	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 11' 14"	106° 18' 17"					F-48-69-D-a
thôn Bò	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 11' 02"	106° 17' 17"					F-48-69-D-a
thôn Cả	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 11' 29"	106° 18' 00"					F-48-69-D-a
thôn Cát	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 10' 28"	106° 17' 13"					F-48-69-D-a
thôn Cầu	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 10' 40"	106° 18' 21"					F-48-69-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cầu Hồ	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 11' 42"	106° 18' 33"					F-48-69-D-a
thôn Đường	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 10' 58"	106° 17' 58"					F-48-69-D-a
thôn Hồng Giang	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 11' 14"	106° 16' 36"					F-48-69-D-a
thôn Mồ	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 10' 48"	106° 17' 32"					F-48-69-D-a
thôn Thanh Vân	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 10' 44"	106° 17' 07"					F-48-69-D-a
sông Thương	TV	xã Đức Giang	H. Yên Dũng			21° 12' 24"	106° 17' 50"	21° 10' 45"	106° 18' 30"	F-48-69-D-a
thôn Thượng	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 10' 59"	106° 17' 36"					F-48-69-D-a
thôn Tiên La	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 13' 02"	106° 18' 14"					F-48-69-D-a
thôn Trung Sơn	DC	xã Đức Giang	H. Yên Dũng	21° 11' 03"	106° 16' 52"					F-48-69-D-a
thôn Áng	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 15' 24"	106° 14' 55"					F-48-69-A-d
thôn Can	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 16' 03"	106° 14' 25"					F-48-69-A-d
thôn Chanh	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 15' 31"	106° 14' 40"					F-48-69-A-d
thôn Dõng	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 15' 35"	106° 14' 14"					F-48-69-A-d
thôn Dung	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 16' 11"	106° 13' 48"					F-48-69-A-d
thôn Gáo	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 15' 57"	106° 14' 54"					F-48-69-A-d
thôn Hấn	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 15' 54"	106° 14' 10"					F-48-69-A-d
thôn Kép	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 16' 24"	106° 14' 19"					F-48-69-A-d
thôn Lạc Giản	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 15' 05"	106° 14' 27"					F-48-69-A-d
thôn Tây	DC	xã Hương Gián	H. Yên Dũng	21° 16' 44"	106° 14' 33"					F-48-69-A-d
thôn Đông Thượng	DC	xã Lãng Sơn	H. Yên Dũng	21° 13' 26"	106° 16' 53"					F-48-69-D-a
thôn Hồng Sơn	DC	xã Lãng Sơn	H. Yên Dũng	21° 14' 07"	106° 17' 45"					F-48-69-D-a
thôn Mỹ Thượng	DC	xã Lãng Sơn	H. Yên Dũng	21° 13' 25"	106° 17' 43"					F-48-69-D-a
thôn Phú Thịnh	DC	xã Lãng Sơn	H. Yên Dũng	21° 14' 20"	106° 16' 51"					F-48-69-D-a
thôn Tam Sơn	DC	xã Lãng Sơn	H. Yên Dũng	21° 13' 54"	106° 17' 07"					F-48-69-D-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Lãng Sơn	H. Yên Dũng	21° 13' 39"	106° 16' 31"					F-48-69-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thương	TV	xã Lãng Sơn	H. Yên Dũng			21° 13' 45"	106° 16' 00"	21° 13' 03"	106° 17' 51"	F-48-69-D-a
thôn Trại Thượng	DC	xã Lãng Sơn	H. Yên Dũng	21° 13' 40"	106° 16' 49"					F-48-69-D-a
ngòi Cầu Sàn	TV	xã Lão Hộ	H. Yên Dũng			21° 17' 14"	106° 17' 45"	21° 15' 59"	106° 17' 59"	F-48-69-B-c
thôn Liên Sơn	DC	xã Lão Hộ	H. Yên Dũng	21° 16' 25"	106° 17' 16"					F-48-69-B-c
thôn Quyết Chiến	DC	xã Lão Hộ	H. Yên Dũng	21° 16' 49"	106° 17' 25"					F-48-69-B-c
thôn Thượng Tùng	DC	xã Lão Hộ	H. Yên Dũng	21° 16' 04"	106° 17' 18"					F-48-69-B-c
thôn Toàn Thắng	DC	xã Lão Hộ	H. Yên Dũng	21° 16' 19"	106° 16' 60"					F-48-69-B-c
xóm Bãi Nẩy	DC	xã Nham Sơn	H. Yên Dũng	21° 12' 25"	106° 13' 12"					F-48-69-C-b
núi Cột Cờ	SV	xã Nham Sơn	H. Yên Dũng	21° 13' 04"	106° 12' 28"					F-48-69-C-b
thôn Đông Hương	DC	xã Nham Sơn	H. Yên Dũng	21° 11' 00"	106° 13' 06"					F-48-69-C-b
thôn Kem	DC	xã Nham Sơn	H. Yên Dũng	21° 12' 24"	106° 12' 49"					F-48-69-C-b
thôn Minh Phượng	DC	xã Nham Sơn	H. Yên Dũng	21° 12' 19"	106° 13' 37"					F-48-69-C-b
thôn Phương Sơn	DC	xã Nham Sơn	H. Yên Dũng	21° 11' 58"	106° 13' 12"					F-48-69-C-b
thôn Chiền	DC	xã Nội Hoàng	H. Yên Dũng	21° 14' 29"	106° 09' 11"					F-48-69-C-b
thôn Giá	DC	xã Nội Hoàng	H. Yên Dũng	21° 14' 08"	106° 08' 48"					F-48-69-C-b
thôn Nội	DC	xã Nội Hoàng	H. Yên Dũng	21° 14' 26"	106° 09' 52"					F-48-69-C-b
thôn Sy	DC	xã Nội Hoàng	H. Yên Dũng	21° 13' 54"	106° 09' 24"					F-48-69-C-b
thôn Tiên Phong	DC	xã Nội Hoàng	H. Yên Dũng	21° 13' 60"	106° 09' 38"					F-48-69-C-b
thôn Trung	DC	xã Nội Hoàng	H. Yên Dũng	21° 14' 29"	106° 09' 29"					F-48-69-C-b
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Yên Dũng	21° 15' 16"	106° 17' 30"					F-48-69-B-c
thôn Núi	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Yên Dũng	21° 15' 03"	106° 18' 02"					F-48-69-B-c
thôn Quỳnh	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Yên Dũng	21° 14' 39"	106° 17' 48"					F-48-69-D-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Yên Dũng	21° 14' 31"	106° 17' 06"					F-48-69-D-a
xóm Trại Một	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Yên Dũng	21° 14' 12"	106° 16' 57"					F-48-69-D-a
xóm Trại Xanh	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Yên Dũng	21° 14' 37"	106° 17' 17"					F-48-69-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Voi	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Yên Dũng	21° 14' 19"	106° 17' 31"					F-48-69-D-a
đường tỉnh 299	KX	xã Tân An	H. Yên Dũng			21° 15' 05"	106° 15' 48"	21° 16' 39"	106° 15' 25"	F-48-69-B-c
thôn Kim Xuyên	DC	xã Tân An	H. Yên Dũng	21° 15' 30"	106° 16' 27"					F-48-69-B-c
thôn Minh Đạo	DC	xã Tân An	H. Yên Dũng	21° 15' 60"	106° 16' 21"					F-48-69-B-c
thôn Ngò	DC	xã Tân An	H. Yên Dũng	21° 16' 10"	106° 16' 50"					F-48-69-B-c
thôn Tân Lập	DC	xã Tân An	H. Yên Dũng	21° 16' 39"	106° 16' 50"					F-48-69-B-c
thôn Thắng	DC	xã Tân An	H. Yên Dũng	21° 15' 39"	106° 16' 44"					F-48-69-B-c
thôn Trại Giữa	DC	xã Tân An	H. Yên Dũng	21° 15' 12"	106° 15' 59"					F-48-69-B-c
đập Hang Cả	KX	xã Tân Liễu	H. Yên Dũng	21° 13' 19"	106° 12' 27"					F-48-69-C-b
thôn Liễu Đê	DC	xã Tân Liễu	H. Yên Dũng	21° 14' 44"	106° 13' 59"					F-48-69-C-b
thôn Liễu Nham	DC	xã Tân Liễu	H. Yên Dũng	21° 13' 25"	106° 14' 14"					F-48-69-C-b
thôn Tân Độ	DC	xã Tân Liễu	H. Yên Dũng	21° 13' 36"	106° 12' 46"					F-48-69-C-b
sông Cầu	TV	xã Thắng Cương	H. Yên Dũng			21° 10' 30"	106° 13' 12"	21° 10' 22"	106° 14' 46"	F-48-69-C-b
thôn Phấn Lôi	DC	xã Thắng Cương	H. Yên Dũng	21° 10' 12"	106° 14' 01"					F-48-69-C-b
thôn Tân Cương	DC	xã Thắng Cương	H. Yên Dũng	21° 10' 30"	106° 13' 19"					F-48-69-C-b
thôn Thắng Cương	DC	xã Thắng Cương	H. Yên Dũng	21° 09' 29"	106° 13' 19"					F-48-69-C-b
thôn Thắng Lợi	DC	xã Thắng Cương	H. Yên Dũng	21° 09' 58"	106° 12' 52"					F-48-69-C-b
thôn Thắng Lợi Hạ	DC	xã Thắng Cương	H. Yên Dũng	21° 09' 25"	106° 12' 33"					F-48-69-C-b
thôn Buồng	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 13' 38"	106° 15' 39"					F-48-69-D-a
thôn Chùa	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 12' 13"	106° 17' 15"					F-48-69-D-a
thôn Đông Thắng	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 12' 06"	106° 17' 39"					F-48-69-D-a
thôn Huyện	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 12' 43"	106° 16' 18"					F-48-69-D-a
thôn Ninh Xuyên	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 11' 32"	106° 16' 34"					F-48-69-D-a
thôn Núi Ô	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 12' 54"	106° 15' 35"					F-48-69-D-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 11' 47"	106° 16' 50"					F-48-69-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thuận Lý	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 11' 33"	106° 17' 29"					F-48-69-D-a
sông Thương	TV	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng			21° 13' 25"	106° 14' 58"	21° 12' 24"	106° 17' 50"	F-48-69-C-b F-48-69-D-a
thôn Trại Núi	DC	xã Tiến Dũng	H. Yên Dũng	21° 12' 58"	106° 15' 16"					F-48-69-D-a
đường tỉnh 398	KX	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng			21° 12' 36"	106° 11' 58"	21° 14' 29"	106° 10' 23"	F-48-69-C-b
thôn An Thịnh	DC	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng	21° 13' 55"	106° 10' 34"					F-48-69-C-b
thôn Bình An	DC	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng	21° 13' 34"	106° 11' 00"					F-48-69-C-b
hồ Bờ Tân	TV	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng	21° 13' 04"	106° 11' 08"					F-48-69-C-b
thôn Hàm Long	DC	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng	21° 12' 46"	106° 11' 43"					F-48-69-C-b
thôn Thành Công	DC	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng	21° 14' 53"	106° 11' 15"					F-48-69-C-b
núi Trại Xoan	SV	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng	21° 12' 59"	106° 11' 23"					F-48-69-C-b
thôn Vườn Tùng	DC	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng	21° 13' 07"	106° 11' 49"					F-48-69-C-b
thôn Yên Sơn	DC	xã Tiền Phong	H. Yên Dũng	21° 13' 42"	106° 11' 12"					F-48-69-C-b
sông Cổ Mân	TV	xã Trí Yên	H. Yên Dũng			21° 14' 48"	106° 18' 34"	21° 13' 59"	106° 19' 32"	F-48-69-D-a
núi Cô Tiên	SV	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 14' 18"	106° 18' 33"					F-48-69-D-a
thôn Đan Phượng	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 12' 41"	106° 19' 08"					F-48-69-D-a
thôn Đức Thành	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 13' 10"	106° 19' 17"					F-48-69-D-a
thôn Hố Quýt	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 14' 04"	106° 18' 51"					F-48-69-D-a
sông Lục Nam	TV	xã Trí Yên	H. Yên Dũng			21° 13' 59"	106° 19' 32"	21° 11' 40"	106° 18' 41"	F-48-69-D-a
thôn Minh Đức	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 13' 43"	106° 18' 34"					F-48-69-D-a
thôn NamThành	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 13' 25"	106° 19' 23"					F-48-69-D-a
thôn Phượng Sơn	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 14' 34"	106° 18' 43"					F-48-69-D-a
thôn Quốc Khánh	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 12' 55"	106° 19' 24"					F-48-69-D-a
thôn Sơn Hùng	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 13' 16"	106° 17' 55"					F-48-69-D-a
thôn Sơn Thịnh	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 13' 56"	106° 18' 21"					F-48-69-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tân Thịnh	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 12' 39"	106° 19' 00"					F-48-69-D-a
thôn Thanh Long	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 12' 42"	106° 19' 29"					F-48-69-D-a
sông Thương	TV	xã Trí Yên	H. Yên Dũng			21° 13' 03"	106° 17' 51"	21° 11' 40"	106° 18' 41"	F-48-69-D-a
thôn Vĩnh Long	DC	xã Trí Yên	H. Yên Dũng	21° 13' 14"	106° 18' 42"					F-48-69-D-a
thôn Bắc Am	DC	xã Tư Mại	H. Yên Dũng	21° 10' 30"	106° 15' 16"					F-48-69-D-a
sông Cầu	TV	xã Tư Mại	H. Yên Dũng			21° 10' 22"	106° 14' 46"	21° 08' 42"	106° 15' 56"	F-48-69-C-b F-48-69-D-a
thôn Đống Cao	DC	xã Tư Mại	H. Yên Dũng	21° 09' 49"	106° 16' 05"					F-48-69-D-a
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Tư Mại	H. Yên Dũng	21° 11' 00"	106° 14' 54"					F-48-69-C-b
thôn Phú Mại	DC	xã Tư Mại	H. Yên Dũng	21° 09' 17"	106° 15' 26"					F-48-69-D-a
thôn Phùng Hưng	DC	xã Tư Mại	H. Yên Dũng	21° 11' 09"	106° 14' 36"					F-48-69-C-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Tư Mại	H. Yên Dũng	21° 11' 08"	106° 14' 27"					F-48-69-C-b
thôn Tân Ninh	DC	xã Tư Mại	H. Yên Dũng	21° 10' 25"	106° 15' 41"					F-48-69-D-a
thôn Tư Mại	DC	xã Tư Mại	H. Yên Dũng	21° 09' 45"	106° 15' 28"					F-48-69-D-a
thôn An Phú	DC	xã Xuân Phú	H. Yên Dũng	21° 14' 17"	106° 16' 24"					F-48-69-D-a
thôn Đình Phú	DC	xã Xuân Phú	H. Yên Dũng	21° 14' 44"	106° 15' 26"					F-48-69-D-a
thôn Đông Phú	DC	xã Xuân Phú	H. Yên Dũng	21° 14' 42"	106° 15' 43"					F-48-69-D-a
thôn Nam Phú	DC	xã Xuân Phú	H. Yên Dũng	21° 14' 27"	106° 15' 39"					F-48-69-D-a
thôn Xuân Đông	DC	xã Xuân Phú	H. Yên Dũng	21° 13' 40"	106° 15' 08"					F-48-69-D-a
thôn Xuân Phú	DC	xã Xuân Phú	H. Yên Dũng	21° 14' 31"	106° 16' 14"					F-48-69-D-a
thôn Xuân Thượng	DC	xã Xuân Phú	H. Yên Dũng	21° 14' 01"	106° 14' 42"					F-48-69-C-b
thôn Xuân Trung	DC	xã Xuân Phú	H. Yên Dũng	21° 13' 50"	106° 14' 39"					F-48-69-C-b
dãy núi 99 ngọn	SV	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 57"	106° 10' 32"					F-48-69-C-b
thôn An Thái	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 13"	106° 11' 12"					F-48-69-C-b
khu Bê Tô	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 13' 04"	106° 09' 13"					F-48-69-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bùi Bến	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 11' 47"	106° 10' 14"					F-48-69-C-b
thôn Cao	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 11' 15"	106° 11' 26"					F-48-69-C-b
sông Cầu	TV	xã Yên Lư	H. Yên Dũng			21° 12' 42"	106° 08' 56"	21° 10' 38"	106° 12' 35"	F-48-69-C-b
thôn Đa Thịnh	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 11' 07"	106° 11' 08"					F-48-69-C-b
núi Khe Đá Bạc	SV	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 13' 21"	106° 09' 09"					F-48-69-C-b
thôn Long Xá	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 11' 00"	106° 10' 42"					F-48-69-C-b
thôn Tân Sơn 1	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 24"	106° 10' 32"					F-48-69-C-b
thôn Tân Sơn 2	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 31"	106° 10' 15"					F-48-69-C-b
thôn Thạch Xá	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 11' 13"	106° 10' 13"					F-48-69-C-b
thôn Thịnh Long	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 11' 19"	106° 10' 53"					F-48-69-C-b
thôn Tràng An	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 04"	106° 12' 36"					F-48-69-C-b
thôn Vân Lư	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 11' 55"	106° 12' 51"					F-48-69-C-b
thôn Yên Hà	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 22"	106° 09' 24"					F-48-69-C-b
thôn Yên Phượng	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 14"	106° 10' 53"					F-48-69-C-b
thôn Yên Sơn	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 41"	106° 09' 49"					F-48-69-C-b
thôn Yên Tập	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 03"	106° 11' 55"					F-48-69-C-b
thôn Yên Tập Bắc	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 11' 01"	106° 12' 06"					F-48-69-C-b
thôn Yên Tập Bến	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 10' 53"	106° 12' 20"					F-48-69-C-b
thôn Yên Thịnh	DC	xã Yên Lư	H. Yên Dũng	21° 12' 11"	106° 09' 39"					F-48-69-C-b
đường tỉnh 292	KX	TT. Bố Hạ	H. Yên Thế			21° 26' 54"	106° 11' 34"	21° 26' 55"	106° 11' 43"	F-48-69-A-b
phố Gia Lâm	DC	TT. Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 45"	106° 11' 46"					F-48-69-A-b
phố Hòa Bình	DC	TT. Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 44"	106° 11' 20"					F-48-69-A-b
sông Thương	TV	TT. Bố Hạ	H. Yên Thế			21° 26' 40"	106° 12' 03"	21° 26' 45"	106° 11' 57"	F-48-69-A-b
đường tỉnh 398	KX	TT. Cầu Gồ	H. Yên Thế			21° 28' 31"	106° 07' 46"	21° 28' 12"	106° 07' 27"	F-48-69-A-a
phố Cả Dinh	DC	TT. Cầu Gồ	H. Yên Thế	21° 28' 43"	106° 07' 06"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Cả Trọng	DC	TT. Cầu Gồ	H. Yên Thế	21° 28' 36"	106° 07' 39"					F-48-69-A-b
phố Hoàng Hoa Thám	DC	TT. Cầu Gồ	H. Yên Thế	21° 28' 16"	106° 07' 30"					F-48-69-A-b
thôn An Châu	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 27' 15"	106° 05' 09"					F-48-69-A-a
thôn An Thành	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 27' 38"	106° 05' 28"					F-48-69-A-a
thôn Cầu Thầy	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 27' 40"	106° 03' 54"					F-48-69-A-a
thôn Cầu Đá	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 28' 06"	106° 04' 17"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Bục	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 28' 14"	106° 04' 46"					F-48-69-A-a
thôn Hồng Lĩnh	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 28' 24"	106° 05' 10"					F-48-69-A-a
đập Hồng Lĩnh	KX	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 27' 58"	106° 05' 40"					F-48-69-A-a
thôn Lan Thượng	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 27' 22"	106° 04' 29"					F-48-69-A-a
thôn Non Sáu	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 27' 05"	106° 04' 41"					F-48-69-A-a
thôn Tân An	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 26' 59"	106° 05' 32"					F-48-69-A-a
thôn Tân Vân	DC	xã An Thượng	H. Yên Thế	21° 27' 31"	106° 04' 56"					F-48-69-A-a
đường tỉnh 268	KX	xã Bố Hạ	H. Yên Thế			21° 26' 47"	106° 10' 39"	21° 26' 54"	106° 11' 34"	F-48-69-A-b
đường tỉnh 292	KX	xã Bố Hạ	H. Yên Thế			21° 26' 38"	106° 12' 02"	21° 26' 33"	106° 12' 20"	F-48-69-A-b
thôn Dinh Tiến	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 37"	106° 12' 10"					F-48-69-A-b
thôn Đồng Lều	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 27' 19"	106° 11' 47"					F-48-69-A-b
thôn Đồng Quán	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 60"	106° 11' 12"					F-48-69-A-b
thôn Liên Tân	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 25' 56"	106° 11' 25"					F-48-69-A-b
thôn Sỏi	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 44"	106° 10' 48"					F-48-69-A-b
sông Sỏi	TV	xã Bố Hạ	H. Yên Thế			21° 26' 50"	106° 10' 43"	21° 25' 31"	106° 10' 10"	F-48-69-A-b
cầu Sỏi	KX	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 47"	106° 10' 39"					F-48-69-A-b
thôn Tân An	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 27' 06"	106° 11' 35"					F-48-69-A-b
thôn Tân Xuân	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 09"	106° 11' 33"					F-48-69-A-b
sông Thương	TV	xã Bố Hạ	H. Yên Thế			21° 25' 31"	106° 10' 10"	21° 27' 03"	106° 12' 21"	F-48-69-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vòng Huyện	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 59"	106° 12' 00"					F-48-69-A-b
thôn Xuân Lan 1	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 26' 17"	106° 10' 36"					F-48-69-A-b
thôn Xuân Lan 2	DC	xã Bố Hạ	H. Yên Thế	21° 25' 44"	106° 10' 36"					F-48-69-A-b
bản Ao Tuần	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 33' 56"	106° 05' 20"					F-48-57-C-c
bản Chay	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 35' 06"	106° 06' 10"					F-48-57-C-c
hồ Chùa Sừng	TV	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 35' 48"	106° 06' 28"					F-48-57-C-c
bản Cô Đây	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 34' 13"	106° 06' 08"					F-48-57-C-c
sông Diễn	TV	xã Canh Nậu	H. Yên Thế			21° 35' 60"	106° 04' 44"	21° 33' 15"	106° 04' 56"	F-48-57-C-c
bản Dốc Đơ	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 33' 12"	106° 05' 50"					F-48-57-C-c
bản Đồn	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 33' 52"	106° 05' 40"					F-48-57-C-c
bản Đồng Cả	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 35' 02"	106° 05' 24"					F-48-57-C-c
bản Khuôn Đống	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 35' 35"	106° 07' 17"					F-48-57-C-c
bản Lò Than	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 33' 34"	106° 06' 11"					F-48-57-C-c
bản Nà Táng	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 34' 29"	106° 05' 18"					F-48-57-C-c
núi Rồng	SV	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 36' 41"	106° 08' 06"					F-48-57-C-d
bản Thia	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 35' 17"	106° 05' 35"					F-48-57-C-c
bản Trại Sông	DC	xã Canh Nậu	H. Yên Thế	21° 34' 22"	106° 04' 50"					F-48-57-C-c
bản Ao Gáo	DC	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế	21° 29' 46"	106° 11' 52"					F-48-69-A-b
hồ Chín Suối	TV	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế	21° 29' 53"	106° 10' 16"					F-48-69-A-b
bản Cổng Trâu	DC	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế	21° 29' 12"	106° 12' 46"					F-48-69-A-b
suối Lũng Than	TV	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế			21° 32' 04"	106° 09' 27"	21° 29' 56"	106° 09' 47"	F-48-69-A-b
bản Mỏ Hương	DC	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế	21° 30' 19"	106° 10' 37"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Hương	TV	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế			21° 30' 21"	106° 10' 32"	21° 30' 35"	106° 10' 31"	F-48-57-C-d
bản Trại Mới	DC	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế	21° 29' 02"	106° 13' 15"					F-48-69-A-b
bản Trại Tre	DC	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế	21° 29' 08"	106° 12' 16"					F-48-69-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Trại Vanh	DC	xã Đồng Hưu	H. Yên Thế	21° 29' 18"	106° 11' 15"					F-48-69-A-b
thôn Cống Huyện	DC	xã Đồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 28' 39"	106° 10' 10"					F-48-69-A-b
thôn Giếng Chảnh	DC	xã Đồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 27' 18"	106° 11' 15"					F-48-69-A-b
thôn Ngò	DC	xã Đồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 28' 25"	106° 10' 45"					F-48-69-A-b
sông Sỏi	TV	xã Đồng Kỳ	H. Yên Thế			21° 27' 47"	106° 09' 45"	21° 26' 50"	106° 10' 43"	F-48-69-A-b
thôn Trại Chuối	DC	xã Đồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 27' 08"	106° 10' 49"					F-48-69-A-b
thôn Trại Đảng	DC	xã Đồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 28' 20"	106° 10' 10"					F-48-69-A-b
thôn Trại Quân	DC	xã Đồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 27' 42"	106° 10' 50"					F-48-69-A-b
đường tỉnh 292	KX	xã Đồng Lạc	H. Yên Thế			21° 27' 08"	106° 09' 21"	21° 28' 23"	106° 07' 55"	F-48-69-A-b
thôn Cây Gạo	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Thế	21° 27' 56"	106° 08' 04"					F-48-69-A-b
thôn Chỉ Chòe	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Thế	21° 28' 36"	106° 08' 13"					F-48-69-A-b
thôn Thiều	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Thế	21° 27' 20"	106° 08' 54"					F-48-69-A-b
thôn Tiếu	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Thế	21° 27' 36"	106° 09' 10"					F-48-69-A-b
thôn Trại Cả	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Thế	21° 27' 43"	106° 08' 18"					F-48-69-A-b
thôn Vàng	DC	xã Đồng Lạc	H. Yên Thế	21° 27' 11"	106° 08' 36"					F-48-69-A-b
bản Ao Cạn	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 17"	106° 16' 11"					F-48-69-B-a
thôn Bến Trăm	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 28' 02"	106° 14' 04"					F-48-69-A-b
thôn Bo Chợ	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 18"	106° 12' 24"					F-48-69-A-b
thôn Cà Ngo	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 28"	106° 14' 40"					F-48-69-A-b
thôn Cầu Gụ	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 31"	106° 12' 06"					F-48-69-A-b
thôn Đền Quynh	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 35"	106° 12' 56"					F-48-69-A-b
thôn Đền Trắng	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 46"	106° 12' 57"					F-48-69-A-b
thôn Đồi Hồng	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 46"	106° 14' 56"					F-48-69-A-b
thôn Đồi Lánh	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 19"	106° 13' 11"					F-48-69-A-b
thôn Đông Kênh	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 24"	106° 13' 31"					F-48-69-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Đông Sơn	KX	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 06"	106° 13' 51"					F-48-69-A-b
thôn Gia Bình	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 28' 30"	106° 14' 21"					F-48-69-A-b
sông Thương	TV	xã Đông Sơn	H. Yên Thế			21° 27' 03"	106° 12' 21"	21° 27' 12"	106° 16' 54"	F-48-69-A-b
thôn Vi Sơn	DC	xã Đông Sơn	H. Yên Thế	21° 27' 15"	106° 15' 55"					F-48-69-B-a
sông Sỏi	TV	xã Đồng Tâm	H. Yên Thế			21° 28' 56"	106° 08' 23"	21° 27' 47"	106° 09' 45"	F-48-69-A-b
bản Cây Thị	DC	xã Đồng Tiến	H. Yên Thế	21° 34' 03"	106° 07' 51"					F-48-57-C-d
bản Cây Vối	DC	xã Đồng Tiến	H. Yên Thế	21° 34' 05"	106° 09' 02"					F-48-57-C-d
suối Dùng	TV	xã Đồng Tiến	H. Yên Thế			21° 34' 41"	106° 09' 25"	21° 34' 03"	106° 08' 13"	F-48-57-C-d
đập Đèo Bản	KX	xã Đồng Tiến	H. Yên Thế	21° 34' 44"	106° 09' 31"					F-48-57-C-d
bản Gốc Bòng	DC	xã Đồng Tiến	H. Yên Thế	21° 34' 29"	106° 09' 18"					F-48-57-C-d
bản Khe Ngọn	DC	xã Đồng Tiến	H. Yên Thế	21° 34' 00"	106° 09' 29"					F-48-57-C-d
bản Trại Hạ	DC	xã Đồng Tiến	H. Yên Thế	21° 33' 01"	106° 07' 11"					F-48-57-C-c
đường tỉnh 268	KX	xã Đồng Vương	H. Yên Thế			21° 31' 55"	106° 06' 36"	21° 30' 35"	106° 08' 49"	F-48-57-C-c
suối Cầu Cao	TV	xã Đồng Vương	H. Yên Thế			21° 30' 26"	106° 08' 59"	21° 30' 02"	106° 08' 17"	F-48-57-C-d
suối Chồng Chềnh	TV	xã Đồng Vương	H. Yên Thế			21° 31' 35"	106° 08' 22"	21° 31' 01"	106° 07' 21"	F-48-57-C-d
núi Cột Cờ	SV	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 31' 13"	106° 08' 36"					F-48-57-C-d
đèo Dông	SV	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 32' 10"	106° 09' 18"					F-48-57-C-d
bản Đồng Đảng	DC	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 32' 17"	106° 08' 34"					F-48-57-C-d
bản Đồng Vương	DC	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 30' 49"	106° 08' 07"					F-48-57-C-d
cầu Đồng Vương	KX	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 31' 55"	106° 06' 36"					F-48-57-C-c
bản La Lanh	DC	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 31' 58"	106° 06' 52"					F-48-57-C-c
bản La Xa	DC	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 31' 24"	106° 07' 44"					F-48-57-C-d
núi Na Sát	SV	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 31' 38"	106° 07' 52"					F-48-57-C-d
trại giam Ngọc Lý	KX	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 30' 42"	106° 08' 32"					F-48-57-C-d
sông Sỏi	TV	xã Đồng Vương	H. Yên Thế			21° 32' 21"	106° 06' 08"	21° 30' 01"	106° 08' 17"	F-48-69-A-b
bản Trại Tre	DC	xã Đồng Vương	H. Yên Thế	21° 33' 08"	106° 08' 02"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Cầu Cháy	TV	xã Hồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 29' 45"	106° 09' 13"					F-48-69-A-b
suối Cấy	TV	xã Hồng Kỳ	H. Yên Thế			21° 30' 26"	106° 08' 59"	21° 30' 02"	106° 08' 17"	F-48-57-C-d
thôn Đồng Nghĩa	DC	xã Hồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 28' 56"	106° 09' 19"					F-48-69-A-b
sông Sỏi	TV	xã Hồng Kỳ	H. Yên Thế			21° 27' 47"	106° 09' 45"	21° 30' 02"	106° 08' 17"	F-48-69-A-b
bản Trại Ba	DC	xã Hồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 29' 40"	106° 08' 46"					F-48-69-A-b
thôn Trại Hồng	DC	xã Hồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 29' 16"	106° 08' 53"					F-48-69-A-b
thôn Trại Nhất	DC	xã Hồng Kỳ	H. Yên Thế	21° 29' 04"	106° 09' 46"					F-48-69-A-b
xóm Am Bái	DC	xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	21° 27' 50"	106° 11' 53"					F-48-69-A-b
thôn Cầu Tiến	DC	xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	21° 28' 26"	106° 12' 33"					F-48-69-A-b
thôn Đình	DC	xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	21° 28' 07"	106° 12' 12"					F-48-69-A-b
thôn Hố Hồ	DC	xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	21° 28' 30"	106° 12' 06"					F-48-69-A-b
thôn Mỏ	DC	xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	21° 28' 17"	106° 11' 53"					F-48-69-A-b
thôn Rừng	DC	xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	21° 28' 24"	106° 11' 32"					F-48-69-A-b
thôn Vàng	DC	xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	21° 28' 09"	106° 11' 05"					F-48-69-A-b
xóm Yên Ngựa	DC	xã Hương Vĩ	H. Yên Thế	21° 27' 50"	106° 12' 04"					F-48-69-A-b
đường tỉnh 398	KX	xã Phồn Xương	H. Yên Thế			21° 28' 23"	106° 07' 55"	21° 27' 05"	106° 06' 41"	F-48-69-A-a
thôn Chùa	DC	xã Phồn Xương	H. Yên Thế	21° 27' 37"	106° 07' 05"					F-48-69-A-a
thôn Mạc 1	DC	xã Phồn Xương	H. Yên Thế	21° 27' 15"	106° 07' 32"					F-48-69-A-b
thôn Phan	DC	xã Phồn Xương	H. Yên Thế	21° 27' 44"	106° 07' 14"					F-48-69-A-a
thôn Thành Chung	DC	xã Phồn Xương	H. Yên Thế	21° 27' 10"	106° 06' 48"					F-48-69-A-a
thôn Đến Cô	DC	xã Tam Hiệp	H. Yên Thế	21° 29' 57"	106° 07' 17"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Khách	DC	xã Tam Hiệp	H. Yên Thế	21° 29' 25"	106° 06' 38"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Mơ	DC	xã Tam Hiệp	H. Yên Thế	21° 29' 24"	106° 07' 01"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Mười	DC	xã Tam Hiệp	H. Yên Thế	21° 30' 08"	106° 06' 22"					F-48-57-C-c
sông Sỏi	TV	xã Tam Hiệp	H. Yên Thế			21° 30' 40"	106° 07' 24"	21° 30' 00"	106° 08' 03"	F-48-57-C-c
thôn Trại Cọ	DC	xã Tam Hiệp	H. Yên Thế	21° 29' 10"	106° 07' 17"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Yên Thế	DC	xã Tam Hiệp	H. Yên Thế	21° 29' 22"	106° 07' 19"					F-48-69-A-a
đường tỉnh 292	KX	xã Tam Tiến	H. Yên Thế			21° 32' 56"	106° 04' 01"	21° 31' 57"	106° 06' 01"	F-48-57-C-c
bản Bãi Lát	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 32' 33"	106° 05' 06"					F-48-57-C-c
bản Diễn	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 32' 21"	106° 05' 27"					F-48-57-C-c
cầu Đen	KX	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 42"	106° 06' 20"					F-48-57-C-c
núi Đồi Bóng	SV	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 53"	106° 05' 09"					F-48-57-C-c
bản Đồng Chinh	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 19"	106° 06' 05"					F-48-57-C-c
bản Đồng Tiên	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 10"	106° 04' 59"					F-48-57-C-c
cầu Đồng Vương	KX	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 55"	106° 06' 36"					F-48-57-C-c
bản Hố Tre	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 09"	106° 03' 12"					F-48-57-C-c
bản Hồ Vàng	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 49"	106° 03' 22"					F-48-57-C-c
bản Mỏ Trạng	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 54"	106° 06' 18"					F-48-57-C-c
ga Mỏ Trạng	KX	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 06"	106° 06' 57"					F-48-57-C-c
bản Núi Bà	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 30' 40"	106° 05' 29"					F-48-57-C-c
bản Núi Lim	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 00"	106° 05' 49"					F-48-57-C-c
bản Quỳnh Lâu	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 09"	106° 04' 22"					F-48-57-C-c
bản Rừng Phe	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 30' 21"	106° 04' 04"					F-48-57-C-c
sông Sỏi	TV	xã Tam Tiến	H. Yên Thế			21° 33' 16"	106° 04' 12"	21° 30' 40"	106° 07' 24"	F-48-57-C-c
bản Thị Cùng	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 54"	106° 04' 08"					F-48-57-C-c
bản Trại Lốt	DC	xã Tam Tiến	H. Yên Thế	21° 31' 08"	106° 06' 36"					F-48-57-C-c
thôn Am	DC	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 28' 49"	106° 06' 34"					F-48-69-A-a
thôn Chùa	DC	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 28' 45"	106° 06' 10"					F-48-69-A-a
thôn Đìa	DC	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 28' 50"	106° 06' 05"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Bông	DC	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 29' 08"	106° 06' 02"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Gia	DC	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 28' 02"	106° 06' 44"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 27' 54"	106° 06' 20"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hoàng Long	DC	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 27' 27"	106° 06' 30"					F-48-69-A-a
thôn Luộc Giới	DC	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 27' 24"	106° 06' 13"					F-48-69-A-a
đồi Mốc	SV	xã Tân Hiệp	H. Yên Thế	21° 27' 16"	106° 06' 21"					F-48-69-A-a
đường tỉnh 292	KX	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế			21° 26' 48"	106° 10' 03"	21° 27' 08"	106° 09' 21"	F-48-69-A-b
đường tỉnh 294	KX	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế			21° 26' 29"	106° 08' 44"	21° 26' 47"	106° 10' 39"	F-48-69-A-b
thôn Cầu	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 26' 57"	106° 10' 12"					F-48-69-A-b
thôn Chè	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 26' 41"	106° 10' 03"					F-48-69-A-b
thôn Chiềng	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 27' 26"	106° 09' 27"					F-48-69-A-b
thôn Chúc	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 27' 03"	106° 09' 54"					F-48-69-A-b
thôn Dầm	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 27' 17"	106° 10' 23"					F-48-69-A-b
cầu Đen	KX	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 26' 30"	106° 08' 44"					F-48-69-A-b
thôn Mải	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 26' 52"	106° 08' 57"					F-48-69-A-b
thôn Phú Bản	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 26' 48"	106° 09' 43"					F-48-69-A-b
sông Sỏi	TV	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế			21° 27' 47"	106° 09' 45"	21° 25' 31"	106° 10' 10"	F-48-69-A-b
cầu Sỏi	KX	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 26' 47"	106° 10' 39"					F-48-69-A-b
thôn Tân An	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 26' 42"	106° 09' 08"					F-48-69-A-b
thôn Yên Cư	DC	xã Tân Sỏi	H. Yên Thế	21° 25' 58"	106° 10' 03"					F-48-69-A-b
hồ Cầu Rễ	TV	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 30' 01"	106° 04' 44"					F-48-69-A-a
đập Cầu Rễ	KX	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 29' 27"	106° 04' 49"					F-48-69-A-a
hồ Đá Ong	TV	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 28' 29"	106° 03' 08"					F-48-69-A-a
đập Đá Ong	KX	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 28' 15"	106° 03' 04"					F-48-69-A-a
thôn Đồng Cờ	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 28' 17"	106° 03' 42"					F-48-69-A-a
thôn Hố Luồng	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 29' 46"	106° 05' 39"					F-48-69-A-a
thôn Hợp Thắng	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 27' 59"	106° 02' 42"					F-48-69-A-a
thôn La Thành	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 28' 49"	106° 04' 06"					F-48-69-A-a
thôn Rừng Chiềng	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 29' 12"	106° 03' 11"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Song Sơn	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 28' 50"	106° 03' 30"					F-48-69-A-a
thôn Tiến Bộ	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 29' 03"	106° 05' 04"					F-48-69-A-a
thôn Tiến Thịnh	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 28' 39"	106° 04' 60"					F-48-69-A-a
thôn Tiến Trung	DC	xã Tiến Thắng	H. Yên Thế	21° 28' 46"	106° 04' 37"					F-48-69-A-a
đường tỉnh 292	KX	xã Xuân Lương	H. Yên Thế			106° 01' 49"	21° 33' 53"	106° 04' 01"	21° 32' 56"	F-48-57-C-c
sông Bãi Vàng	TV	xã Xuân Lương	H. Yên Thế			21° 36' 45"	106° 04' 21"	21° 36' 00"	106° 04' 44"	F-48-57-C-c
bản Cầu Nhãn	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 33' 43"	106° 02' 33"					F-48-57-C-c
sông Diễn	TV	xã Xuân Lương	H. Yên Thế			21° 36' 00"	106° 04' 44"	21° 35' 13"	106° 04' 50"	F-48-57-C-c
suối Đèo Ngà	TV	xã Xuân Lương	H. Yên Thế			21° 37' 03"	106° 05' 32"	21° 36' 31"	106° 04' 33"	F-48-57-C-c
bản Đồng Gia	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 34' 17"	106° 02' 17"					F-48-57-C-c
bản Đồng Gián	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 34' 37"	106° 03' 47"					F-48-57-C-c
bản Làng Dưới	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 33' 47"	106° 03' 06"					F-48-57-C-c
bản Làng Trên	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 34' 10"	106° 02' 37"					F-48-57-C-c
bản Mỏ	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 33' 57"	106° 02' 26"					F-48-57-C-c
bản Na Lu	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 33' 29"	106° 03' 35"					F-48-57-C-c
bản Nam Cầu	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 33' 38"	106° 03' 24"					F-48-57-C-c
hồ Ngác Hai	TV	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 34' 31"	106° 02' 26"					F-48-57-C-c
bản Nghè	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 35' 11"	106° 03' 57"					F-48-57-C-c
sông Sỏi	TV	xã Xuân Lương	H. Yên Thế			21° 33' 06"	106° 03' 10"	21° 33' 10"	106° 04' 31"	F-48-57-C-c
hồ Suối Ven	TV	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 35' 59"	106° 03' 28"					F-48-57-C-c
bản Thượng Đồng	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 35' 35"	106° 04' 05"					F-48-57-C-c
bản Ven	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 35' 31"	106° 04' 16"					F-48-57-C-c
bản Xoan	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 36' 43"	106° 04' 52"					F-48-57-C-c
bản Xuân Môi	DC	xã Xuân Lương	H. Yên Thế	21° 32' 59"	106° 03' 48"					F-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Huyện Lục Ngạn	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
			Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
			Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 37	KX	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 20' 59"	106° 19' 35"	21° 22' 26"	106° 18' 35"	F-48-69-B-c
quốc lộ 279	KX	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 30' 47"	106° 39' 22"	21° 25' 13"	106° 41' 59"	F-48-70-A-b F-48-58-C-d
đường tỉnh 290	KX	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 29' 20"	106° 40' 00"	21° 25' 19"	106° 36' 44"	F-48-70-A-b F-48-70-A-a
núi A Mến	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 25' 36"	106° 39' 23"					F-48-70-A-b
núi Bát Sôi	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 25' 45"	106° 40' 18"					F-48-70-A-b
suối Cả	TV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 28' 14"	106° 39' 05"	21° 25' 43"	106° 42' 01"	F-48-70-A-b
cầu Cây Tre	KX	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 28' 05"	106° 40' 59"					F-48-70-A-b
đèo Chiến Sĩ	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 30' 04"	106° 48' 40"					F-48-58-D-c
khau Chom	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 26' 54"	106° 50' 18"					F-48-70-B-a
cầu Cóc	KX	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 25' 48"	106° 41' 47"					F-48-70-A-b
đèo Đá Đen	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 29' 13"	106° 44' 26"					F-48-70-A-b
núi Đá Đen	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 29' 18"	106° 44' 24"					F-48-70-A-b
núi Doọc Lớn	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 26' 50"	106° 42' 12"					F-48-70-A-b
núi Hố Lẹo	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 26' 03"	106° 39' 03"					F-48-70-A-b
đèo Hóa	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 26' 52"	106° 44' 12"					F-48-70-A-b
núi Khối Chính	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 28' 48"	106° 52' 09"					F-48-70-B-a
cầu Khuôn Rạp	KX	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 28' 38"	106° 40' 50"					F-48-70-A-b
cầu Là Lùng	KX	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 27' 12"	106° 41' 13"					F-48-70-A-b
suối Lạc	TV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 29' 20"	106° 43' 12"	21° 30' 35"	106° 43' 32"	F-48-70-A-b
suối Làng Nõn	TV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 30' 53"	106° 44' 19"	21° 27' 20"	106° 43' 58"	F-48-58-C-d
đèo Ló	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 30' 41"	106° 41' 00"					F-48-58-C-d
sông Lược	TV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 31' 05"	106° 47' 04"	21° 27' 05"	106° 44' 53"	F-48-70-A-b, F-48-70-B-a, F-48-58-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Huyện Lục Ngạn	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
			Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
			Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Múc	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 29' 42"	106° 51' 48"					F-48-70-B-a
núi Nà Đen	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 27' 44"	106° 42' 13"					F-48-70-A-b
suối Phít	TV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 28' 20"	106° 44' 12"	21° 27' 52"	106° 43' 40"	F-48-70-A-b
khau Rì	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 26' 48"	106° 52' 22"					F-48-70-B-a
núi Táu	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 28' 33"	106° 47' 32"					F-48-70-B-a
sông Thảo	TV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn			21° 30' 15"	106° 43' 42"	21° 26' 10"	106° 45' 00"	F-48-70-A-b
núi Thiêm	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 26' 36"	106° 49' 30"					F-48-70-B-a
núi Úp Mâm	SV	Trung tâm Huấn luyện Cấm Sơn	21° 27' 39"	106° 47' 00"					F-48-70-B-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc